

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án đầu tư

**XUỞNG MAY CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT
SẢN PHẨM DỆT MAY CÁC LOẠI, CÔNG SUẤT
25.000.000 SẢN PHẨM/NĂM**

Địa điểm: Số 7 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Tp.HCM, tháng 12 năm 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN MAY VIỆT TIỀN



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG**

của dự án đầu tư

**XUỞNG MAY CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT
SẢN PHẨM DỆT MAY CÁC LOẠI, CÔNG SUẤT
25.000.000 SẢN PHẨM/NĂM**

Địa điểm: Số 7 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Chủ dự án đầu tư

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
MAY VIỆT TIỀN
Chánh văn phòng**

Đơn vị tư vấn

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG VÀ
MÔI TRƯỜNG TRÍ VIỆT
Tổng Giám đốc**

NGUYỄN TUẤN PHƯƠNG

LÊ MẠNH HÙNG

Tp.HCM, tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	i
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG	iv
DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ	v
Chương I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	1
I.1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
I.2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
I.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	1
I.3.1. Công suất của dự án đầu tư.....	1
I.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư	2
I.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	6
I.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ D DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	6
I.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ	9
Chương II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	15
II.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG	15
II.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	15
Chương III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ	16
III.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI	16
III.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	16
III.1.2. Thu gom, thoát nước thải	17
III.1.3. Xử lý nước thải:	19
III.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:	30
III.3. CÔNG TRÌNH LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG:..	30
III.3.1. Chất thải sinh hoạt.....	30
III.3.2. Chất thải công nghiệp thông thường	32

III.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI..	33
III.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:	34
III.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH:	35
III.6.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động	35
III.6.2. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu và các công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác.....	35
III.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC.....	40
Chương IV:NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	45
IV.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI.....	45
IV.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI	45
IV.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG	46
Chương V:KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ HẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	48
VI.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI:.....	48
VI.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:	48
VI.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:.....	48
VI.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.....	49
VI.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	49
VI.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	49
VI.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.	49
VI.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM.	49
Chương VI: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN	50
PHỤ LỤC BÁO CÁO	51

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	: Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	: Bảo vệ môi trường
CBCNV	: Cán bộ công nhân viên
CTNH	: Chất thải nguy hại
NT	: Nước thải
NTSH	: Nước thải sinh hoạt
HTXLNT	: Hệ thống xử lý nước thải
GPMT	: Giấy phép môi trường
ND-CP	: Nghị định Chính phủ
PCCC	: Phòng cháy chữa cháy
QCVN	: Quy chuẩn Việt Nam
TCVN	: Tiêu chuẩn Việt Nam
UBND	: Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1.1. Công suất sản xuất của dự án đã được phê duyệt.....	2
Bảng 1.2. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất	4
Bảng 1.3. Sản phẩm của dự án đầu tư.....	6
Bảng 1.4. Nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ cho giai đoạn hoạt động của dự án	7
Bảng 1.5. Nhu cầu nhiên liệu, hóa chất phục vụ cho giai đoạn hoạt động của dự án	7
Bảng 1.6. Đặc tính nguyên vật liệu.....	7
Bảng 1.7. Nhu cầu nhiên liệu của Dự án trong giai đoạn vận hành	8
Bảng 1.8. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước	9
Bảng 1.9. Tọa độ các điểm giới hạn của khu đất Công ty	10
Bảng 1.10. Các hạng mục công trình của dự án	12
Bảng 3.1. Thống kê thông số cơ bản của hệ thống thoát nước mưa tại dự án.....	16
Bảng 3.2. Thống kê thông số cơ bản của hệ thống thu gom nước thải tại dự án.....	18
Bảng 3.3. Thống kê thông số cơ bản của hệ thống thoát nước thải tại dự án.....	18
Bảng 3.4. Các thông số hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m ³ /ngày	23
Bảng 3.5. Danh mục máy móc thiết bị hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m ³ /ngày	24
Bảng 3.6. Ước tính khối lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh	32
Bảng 3.7. Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh	33
Bảng 4.1. Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải	45
Bảng 4.2. Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm khí thải.....	46
Bảng 5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.....	48
Bảng 5.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải trong giai đoạn hiệu chỉnh	48
Bảng 5.3. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải trong giai đoạn vận hành ổn định.....	49

DANH MỤC CÁC HÌNH VẼ

Hình 1.1. Sơ đồ quy trình sản xuất sản phẩm may	2
Hình 1.2. Hình ảnh một số sản phẩm của dự án đầu tư	6
Hình 1.3. Sơ đồ các góc ranh của Dự án	11
Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của Công ty.....	17
Hình 3.2. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của Công ty	17
Hình 3.3. Hồ ga xả thải của Công ty.....	18
Hình 3.4. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Công ty.....	19
Hình 3.5. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước thải của Công ty	19
Hình 3.6. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt hiện hữu của Công ty.....	20
Hình 3.7. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn	20
Hình 3.8. Quy trình công nghệ hệ thống XLNT công suất 180 m ³ /ngày của Công ty.....	21
Hình 3.9. Hệ thống XLNT công suất 180 m ³ /ngày của Công ty	23
Hình 3.10. Ống khói thải của máy phát điện	30
Hình 3.11. Bố trí thùng rác và khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt	32
Hình 3.12. Khu vực lưu chứa chất thải sản xuất của công ty	33
Hình 3.13. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại	34
Hình 3.14. Hệ thống phòng cháy chữa cháy tại công ty	36
Hình 3.15. Bố trí cây xanh tại khuôn viên công ty	41
Hình 3.16. Bố trí màn nhựa và lưới lọc tại xưởng sản xuất.....	42
Hình 3.17. Bố trí quạt hút tại khu vực in	42

Chương I

THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

I.1. TÊN CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến

- Địa chỉ văn phòng: Số 7 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh.

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:

+ Ông Bùi Văn Tiến;

+ Chức vụ: Tổng Giám đốc

- Điện thoại: (028) 38640800; Fax: (028) 38645085;

- Giấy phép đăng ký kinh doanh số 0300401524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, đăng ký đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 5 năm 2021.

I.2. TÊN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

“Xưởng may công nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may các loại, công suất 25.000.000 sản phẩm/năm”

- Địa điểm thực hiện dự án đầu tư: Số 7 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư:

+ Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng: Kiến trúc sư trưởng thành phố Hồ Chí Minh.

+ Cơ quan thẩm định cấp các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của dự án đầu tư: Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường:

+ Giấy chứng nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 1304/2001/GCN-SKHCNMT ngày 26/7/2001 của Sở Khoa học, Công nghệ và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh cấp.

+ Quyết định số 1095/QĐ-STNMT-CCBVMТ ngày 04/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xưởng may công nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may các loại, công suất 25.000.000 sản phẩm/năm” tại Phường 7, quận Tân Bình của Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến.

- Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công): Nhóm B (Dự án có tổng mức đầu tư 441 tỷ đồng, theo Khoản 3 Điều 9 Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/06/2019).

I.3. CÔNG SUẤT, CÔNG NGHỆ, SẢN PHẨM SẢN XUẤT CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

I.3.1. Công suất của dự án đầu tư:

Tổng công suất sản xuất của dự án là 25.000.000 sản phẩm/năm, trong đó:

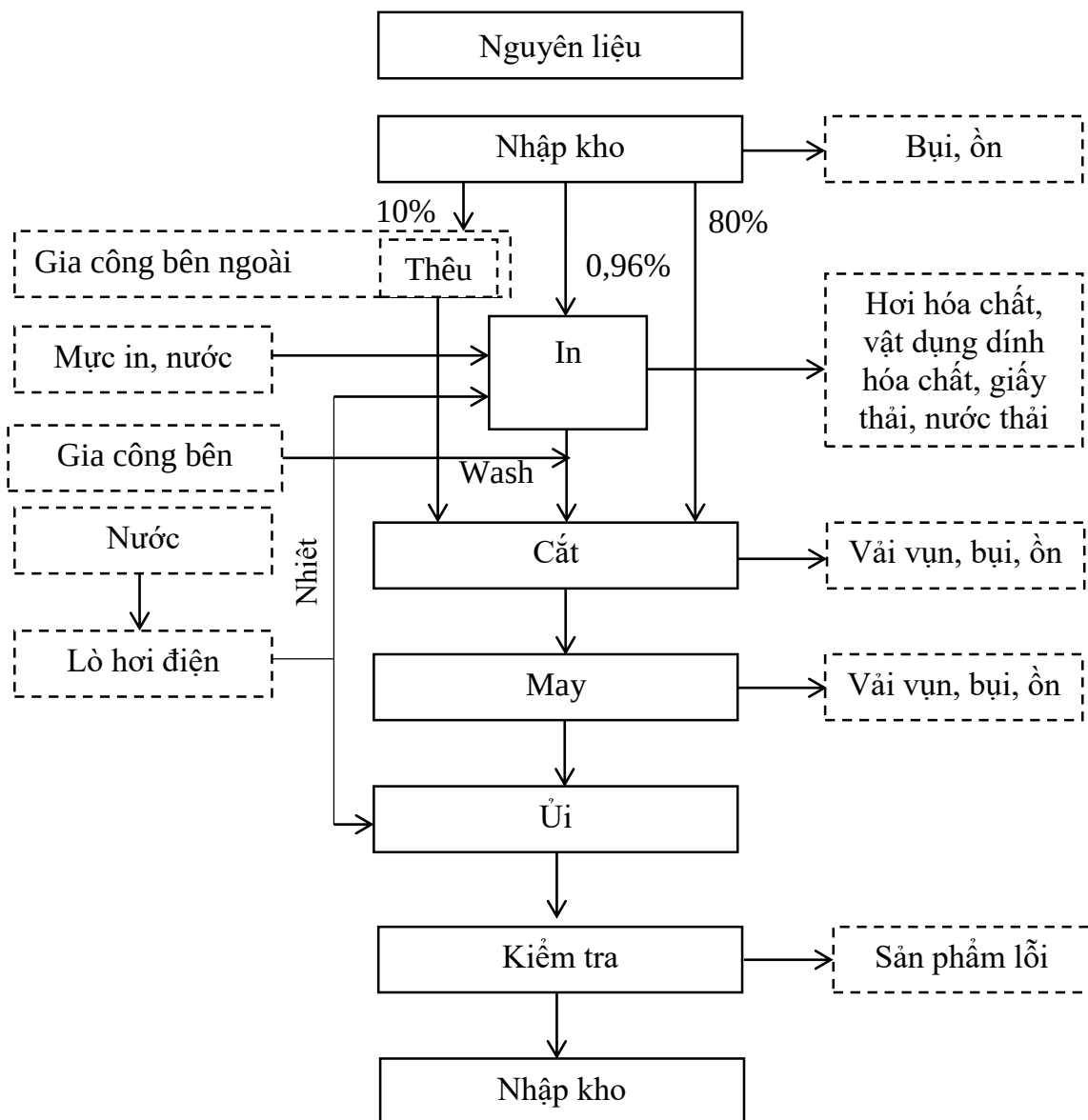
Bảng 1.1. Công suất sản xuất của dự án đã được phê duyệt

STT	Loại sản phẩm	Công suất (sản phẩm/năm)
1	Quần áo thể thao các loại	10.000.000
2	Áo sơ mi dài tay, quần short các loại	15.000.000
Tổng cộng		25.000.000

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến, 2022

I.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư

* Quy trình sản xuất sản phẩm may như sau:



Hình 1.1. Sơ đồ quy trình sản xuất sản phẩm may

Thuyết minh quy trình:

Nguyên liệu đầu vào là các cuộn vải, vải lót.

Công đoạn nhập kho

Nguyên liệu đầu vào là cuộn vải, vải lót,... các loại được nhập về nhà máy, lưu trữ tại kho lưu trữ nguyên liệu của nhà máy. Các nhân viên tiến hành kiểm tra chất lượng vải đảm bảo đúng chất liệu, tiêu chuẩn và loại bỏ những nguyên liệu không đạt yêu cầu trước khi chuyển gia công in/thêu bên ngoài hoặc chuyển sang công đoạn cắt.

Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là các cuộn vải không đạt yêu cầu.

Công đoạn nhuộm (Gia công bên ngoài)

Đối với các sản phẩm cần nhuộm, các cuộn vải sẽ được chuyển cho đơn vị bên ngoài gia công sau đó nhập về lại Công ty.

Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bụi, tiếng ồn, độ rung.

Công đoạn in (Công đoạn bổ sung vào quy trình sản xuất)

Sau khi hoàn thành lắp đặt dây chuyền in, các sản phẩm cần in sẽ được thực hiện tại Công ty. Công đoạn in hoa trên vải thỉnh thoảng mới thực hiện khi khách hàng yêu cầu và công đoạn này thực hiện không thường xuyên (*công đoạn in vải trong phòng thí nghiệm đặt tại tầng 1 của khu nhà xưởng Dương Long R&D chiếm khoảng 0,96% tổng sản phẩm tương đương khoảng 240.000 sản phẩm/năm*).

Đầu tiên, mẫu in theo yêu cầu của khách hàng được chuyển qua cho bộ phận thiết kế, đồ họa vi tính để tiến hành thiết kế mẫu để in trên vải. Sau khi bản in được thiết kế mẫu in xong sẽ tiến hành in thử trên vải,...

Tại nhà máy sử dụng công nghệ in là in chuyển nhiệt. In chuyển nhiệt được chia thành hai công đoạn chính là in hình ảnh lên giấy in chuyển nhiệt (hay giấy in nhiệt) và ép nhiệt để chuyển những hình ảnh đã in từ giấy in chuyển nhiệt ra vật liệu cần in. Cụ thể, đầu tiên bản in sau khi thiết kế được in lên giấy in chuyển nhiệt và sau đó ép nhiệt để chuyển những hình ảnh đã in trên giấy truyền nhiệt lên vải (Nhiệt độ trong máy in vào khoảng 210°C). Nếu trong quá trình in thử chưa đạt yêu cầu về kỹ thuật và thẩm mỹ sẽ tiến hành chỉnh sửa bản in cho đến khi sản phẩm in thử ra được hoàn chỉnh đúng với yêu cầu.

Sau khi in thử và thực hiện chỉnh sửa bản in hoàn chỉnh sẽ tiến hành in hàng loạt trên vải. Bên trên máy in có gắn chụp hút có tác dụng hút hơi nóng vừa có tác dụng làm giảm nhiệt độ của phòng in đồng thời hút mùi từ quá trình in ra bên ngoài. Hằng ngày, sau khi kết thúc quá trình in, công nhân sẽ sử dụng vải để vệ sinh máy in.

Vải sau khi in xong được chuyển qua công đoạn sấy bằng hơi nóng từ lò hơi.

Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là tiếng ồn, giẻ lau dính hoá chất, mực in thải, mùi mực in, nước thải từ lò hơi.

Công đoạn cắt

Các cuộn vải sau khi được kiểm tra chất lượng hoặc qua công đoạn in/thêu, được chuyển qua công đoạn cắt để đưa vào máy cắt và được cắt theo các kích thước yêu cầu của mẫu thiết kế theo các vị trí đã lấy dấu.

Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bụi, tiếng ồn, độ rung và chất thải rắn (vải vụn).

Công đoạn may

Nguyên liệu sau khi được cắt theo mẫu thiết kế được chuyển sang khu vực may. Tại đây, các mảnh vải đã cắt được các công nhân may lắp ráp lại bằng máy may chuyên dụng để gắn kết các bộ phận lại với nhau theo yêu cầu của thiết kế của nhà máy. Sau công đoạn này, sản phẩm may cơ bản đã được hình thành.

Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bụi, tiếng ồn, độ rung và chất thải rắn (vải vụn, chỉ dư).

Công đoạn ủi

Bán thành phẩm sau khi may xong được ủi bằng các máy ủi chuyên dụng. Nhiệt cấp cho máy ủi được cung cấp từ lò hơi điện thông qua hệ thống đường ống dẫn hơi nước.

Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bụi và nhiệt dư.

Công đoạn kiểm tra

Sau khi được ủi, sản phẩm được các nhân viên kiểm tra chất lượng sản phẩm để loại bỏ các sản phẩm lỗi.

Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bụi và chất thải rắn (sản phẩm lỗi).

Công đoạn đóng gói

Sản phẩm sau khi đã được kiểm tra được chuyển qua công đoạn đóng gói trong các bao bì rồi chuyển sang công đoạn kiểm tra lần cuối.

Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bụi, tiếng ồn và chất thải rắn (băng keo dư, bao bì).

Công đoạn kiểm tra

Sản phẩm sau khi đã được đóng gói được kiểm tra lần cuối trước khi nhập kho để loại bỏ các sản phẩm lỗi, kém chất lượng.

Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bụi và chất thải rắn (sản phẩm lỗi).

Công đoạn lưu kho

Các sản phẩm đạt yêu cầu sẽ được nhập kho, chờ xuất xưởng.

Chất thải phát sinh từ công đoạn này chủ yếu là bụi, tiếng ồn, độ rung.

Máy móc thiết bị phục vụ cho dự án

Danh mục máy móc thiết bị của nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.2. Danh mục máy móc thiết bị sản xuất

STT	Tên máy móc	Công suất (W)	Số lượng (cái)	Xuất xứ	Tình trạng
1	Máy may	550	3.000	ĐL/NB/VN	70%
2	Máy cắt vải	200	60	ĐL/NB/VN	70%
3	Máy trải vải	2.000	13	ĐL/NB/VN	70%
4	Bộ xả viên	550	125	ĐL/NB/VN	70%
5	Máy đo màu	50	65	ĐL/NB/VN	70%

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Tên máy móc	Công suất (W)	Số lượng (cái)	Xuất xứ	Tình trạng
6	Máy scan tay	50	15	ĐL/NB/VN	70%
7	Máy nghiệm kim tay	-	12	ĐL/NB/VN	70%
8	Máy xiết đai	1.000	05	ĐL/NB/VN	70%
9	Xe nâng	-	32	Việt Nam	70%
10	Máy đập	1.000	03	Đài Loan	70%
11	Máy in nhãn	50	12	ĐL/NB/VN	70%
12	Máy xả vải	2.000	15	ĐL/NB/VN	70%
13	Máy nén khí	100 HP	06	ĐL/NB/VN	70%
14	Máy ép bao	2.000	50	ĐL/NB/VN	70%
15	Máy cuộn chỉ	1.000	03	ĐL/NB/VN	70%
16	Máy khoan	80	08	ĐL/NB/VN	70%
17	Máy cắt viên	550	08	ĐL/NB/VN	70%
18	Máy vẽ sơ đồ	100	06	ĐL/NB/VN	70%
19	Máy ép nhiệt	1.500	19	ĐL/NB/VN	70%
20	Bàn hút	9.000	150	ĐL/NB/VN	70%
21	Máy mài	150	05	ĐL/NB/VN	70%
22	Máy ép nhãn	500	03	ĐL/NB/VN	70%
23	Máy kiểm vải	550	15	ĐL/NB/VN	70%
24	Máy nghiệm kim	2.000	02	ĐL/NB/VN	70%
25	Máy ép gió	1.500	50	ĐL/NB/VN	70%
26	Máy in thùng	800	10	ĐL/NB/VN	70%
27	Máy thí nghiệm độ bền vải	2.000	03	ĐL/NB/VN	70%
28	Máy cắt sơ đồ	550	03	ĐL/NB/VN	70%
29	Máy cắt băng gai	550	07	ĐL/NB/VN	70%
30	Máy soi màu	80	03	ĐL/NB/VN	70%
31	Máy đo môi trường	-	03	Việt Nam	70%
32	Cân điện tử	-	15	Việt Nam	70%
33	Máy thí nghiệm độ bền màu	1.000	03	ĐL/NB/VN	70%
34	Hệ thống RO xử lý nước cấp RO	20	04	Việt Nam	70%
35	Máy phát điện	1.100 KW	01	Việt Nam	70%
36	Máy phát điện	300 KW	01	Việt Nam	70%
37	Nồi hơi OSHIMA (sử dụng	108 KW	54	Đài Loan	100%

STT	Tên máy móc	Công suất (W)	Số lượng (cái)	Xuất xứ	Tình trạng
	điện)*				
38	Máy in kỹ thuật số*	-	3	Trung Quốc	100%
39	Máy in chuyển nhiệt*	-	1	Trung Quốc	100%
40	Máy hấp*	-	1	Đài Loan	100%

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến, 2022

* Máy móc phục vụ cho công đoạn in vải

I.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư:

Sản phẩm của dự án đầu tư được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

STT	Loại sản phẩm	Công suất	
		(sản phẩm/năm)	(tấn/năm)
1	Quần áo thể thao các loại	10.000.000	5.500
2	Áo sơ mi dài tay, quần short các loại	15.000.000	7.000
Tổng cộng		25.000.000	12.500

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến, 2022



Hình 1.2. Hình ảnh một số sản phẩm của dự án đầu tư

I.4. NGUYÊN LIỆU, NHIÊN LIỆU, VẬT LIỆU, ĐIỆN NĂNG, HÓA CHẤT SỬ DỤNG, NGUỒN CUNG CẤP ĐIỆN, NƯỚC CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

❖ Nhu cầu nguyên vật liệu

Nguyên, nhiên, vật liệu chính của nhà máy phục vụ sản xuất của dự án chủ yếu là vải được nhập từ trong và ngoài nước. Khối lượng nguyên, vật liệu sử dụng cụ thể như bảng sau:

Bảng 1.4. Nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ cho giai đoạn hoạt động của dự án

STT	Tên nguyên liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Xuất xứ	Mục đích sử dụng
1	Vải các loại	Kg/năm	6.635.000	VN, nhập khẩu	Nguyên liệu phục vụ may mặc
2	Chỉ	Kg/năm	208.868	Việt Nam	
3	Dây kéo	Kg/năm	1.741.373	Việt Nam	
4	Dây viền các loại	Kg/năm	3.235.673	Việt Nam	
5	Nhân các loại	Kg/năm	127.612	Việt Nam	
6	Thùng carton	Kg/năm	480.000	Việt Nam	Đóng gói
7	Bao PE, PP	Kg/năm	270.278	Việt Nam	
8	Giấy/Film	Kg/năm	486.000	Trung Quốc	In chuyển lên vải
	Tổng cộng	Kg/năm	13.184.802		

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến, 2022

Ghi chú: Tỷ lệ hao hụt nguyên, vật liệu khoảng 5%.

❖ Nhu cầu nhiên liệu – hóa chất

Các nhiên liệu phục vụ cho sản xuất của nhà máy được trình bày trong bảng sau:

Bảng 1.5. Nhu cầu nhiên liệu, hóa chất phục vụ cho giai đoạn hoạt động của dự án

STT	Tên thương mại	Đơn vị	Khối lượng	Xuất xứ	Mục đích sử dụng
1	Xà phòng	Tấn/năm	15	Việt Nam	Sản xuất
2	PAC	Tấn/năm	13,2	Việt Nam	Xử lý nước thải
3	Polymer	Tấn/năm	6	Việt Nam	Xử lý nước thải
4	Ca(OCl) ₂ (Clorine)	Tấn/năm	15	Việt Nam	Xử lý nước thải
5	Mực in (gốc nước)*	Tấn/năm	2	Trung Quốc	In lên vải
6	Hồ nước các loại	Tấn/năm	0,43	Trung Quốc	In lên vải

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến, 2022

Ghi chú: * Hiện nay, Công ty đã ký hợp đồng in, thuê trên các sản phẩm may mặc với các đơn vị có chức năng khác. Do đó, Công ty không thuê, in trực tiếp tại Nhà máy và các loại hóa chất như mực in là không có.

Bảng 1.6. Đặc tính nguyên vật liệu

STT	Nguyên vật liệu	Tên thương mại	Thành phần	Công dụng
1	Mực in (gốc nước)	Các loại: - Magenta -2R011T-JC - Yellow -2R012T-JC - Cyan -2R013T-JC - Black -2R014T-JC - Blue -2R015T-JC - Orange -2R016T-JC	- Bột màu: Vô cơ / hữu cơ (Blocked Isocyanate Crosslink - (R-N=C=O) _n (2%), Thuốc màu (10-20%)) - 1,2-propanediol (5%) - Phụ gia: Wax tổng hợp (0-5%) - Nước (80-90%)	Dùng in trực tiếp lên các vật liệu như vải sợi bông, vải lụa, da, gai, mây tre, chiếu cói, gỗ

STT	Nguyên vật liệu	Tên thương mại	Thành phần	Công dụng
2	Hồ nước các loại	- Printing Pretreatment Agent - 1D01000	- Sodium Polycarboxylate (10-20%) - Alcohol Ether (5-10%) - Nước (70-85%)	Công đoạn in, giúp hạn chế quá trình đông đặc của dung dịch mực in.
		- Printing Pretreatment Agent - 2J08F06-Powder	- Acrylate copolymer (85%) - Sodium bicarbonate (10%) - Sodium carbonate (5%)	
		- Printing Pretreatment Agent - 2J08B02-0(H/C)	- Polybasic alcohol (1%) - Nước (99%)	
		Printing Pretreatment Agent - 2J08B02-H	- Polysaccharide (14%) - Polybasic alcohol (1%) - Nước (85%)	

Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến cam kết không sử dụng các hóa chất thuộc danh mục cấm.

Bảng 1.7. Nhu cầu nhiên liệu của Dự án trong giai đoạn vận hành

STT	Loại nhiên liệu	Đơn vị	Khối lượng	Mục đích sử dụng
1	Dầu DO	Lít/năm	900	Nhiên liệu chạy xe nâng, xe tải

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến, 2022

❖ Nhu cầu lao động

Số lượng cán bộ, công nhân sử dụng trong giai đoạn vận hành là 1.600 người.

Thời gian làm việc:

- Bộ phận hành chính văn phòng: 1 ca/ngày, 8 giờ/ca, 300 ngày/năm.
- Lao động kỹ thuật + công nhân phổ thông: 1 ca/ngày, 8 giờ/ca, 300 ngày/năm. Nếu có tăng ca sẽ áp dụng và tuân thủ theo quy định của Nhà nước.

❖ Nguồn cung cấp nước và nhu cầu sử dụng nước

Nguồn nước cung cấp cho Dự án do Tổng công ty Cấp nước Sài Gòn – TNHH MTV cung cấp.

Nhu cầu sử dụng nước trong giai đoạn vận hành của Dự án

Số lượng công nhân và nhân viên làm việc tại nhà máy là 1.600 người. Ước tính nhu cầu sử dụng nước giai đoạn hoạt động là khoảng 134,9 m³/ngày (không tính nước phòng cháy chữa cháy) trong đó:

+ Nước cấp cho mục đích sinh hoạt (tiêu chuẩn dùng nước của công nhân viên là 45 lít/người.ngày/ca, theo TCXDVN 33:2006, số lượng cán bộ, công nhân viên trong giai đoạn đạt 100% năng công suất của Nhà máy là 1.600 người:

$$Q_{SH} = 1.600 \text{ người} \times 45 \text{ lít/người/ngày} = 72.000 \text{ (l/ngày)} = 72 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

+ Nước cấp cho hoạt động nấu ăn:

$$Q_{\text{nấu ăn}} = 27 \text{ lít/người/ngày} \times 1.600 \text{ người} = 43.200 \text{ lít nước/ngày} = 43,2 \text{ m}^3$$

nước/ngày

- + Lượng nước cấp cho tạo hơi nước: 16,8 m³/ngày.
- + Nước tưới cây ước, rửa đường ước tính khoảng: 5,4 m³/ngày.
- + Nước cho hệ thống làm mát ước tính khoảng: 3,5 m³/ngày.

Bảng 1.8. Tổng hợp nhu cầu sử dụng nước

STT	Nhu cầu dùng nước	Khối lượng
		(m ³ /ngày)
1	Nước dùng cho sinh hoạt	72
2	Nước cho hoạt động nấu ăn	43,2
5	Nước cho lò hơi	16,8
6	Nước tưới cây, rửa đường	5,4
7	Nước cho hệ thống làm mát	3,5
Tổng		140,9

Ngoài các hoạt động phải sử dụng nước như trên, nhu cầu sử dụng nước cho dự án còn phải tính đến lượng nước chữa cháy. Lượng nước dự trữ cho chữa cháy cho dự án được tính cho 2 đám cháy trong 3h liên tục với lưu lượng 20 l/s/1 đám cháy (theo TCXDVN 33:2006):

$$Q_{CC} = 2 \times 20 \text{ l/s/1 đám cháy} \times 3 \text{ h} \times 3.600 \text{ s} = 432 \text{ m}^3.$$

❖ Nguồn nguồn cung cấp điện

Nguồn điện cung cấp cho Dự án được lấy từ nguồn điện từ lưới điện Quốc gia. Trong quá trình hoạt động, dự án có sử dụng máy phát điện dự phòng để phục vụ cho hoạt động sản xuất trong trường hợp mất điện.

Nhu cầu sử dụng điện khoảng 300.000 kwh/tháng.

1.5. CÁC THÔNG TIN KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến được thành lập theo giấy phép kinh doanh 0300401524 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 14 tháng 5 năm 2021.

Ngày 26/07/2001, Dự án “Đầu tư xây dựng mở rộng Xưởng may công nghiệp xuất khẩu áo sơ mi, jacket, ...” của Công ty may Việt Tiến (tiền thân của Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến, sau đây gọi tắt là Công ty) đã được Sở Khoa học Công nghệ và Môi trường cấp Giấy xác nhận đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường số 1304/2001/GCN-SKHCNMT tại địa chỉ số 07 đường Lê Minh Xuân, phường 7, quận Tân Bình trên khu đất có diện tích 11.037m². Sản phẩm sản xuất kinh doanh chính của Công ty là các sản phẩm may công nghiệp xuất khẩu như: Quần áo thể thao các loại, áo sơ mi dài tay, quần short các loại với công suất 25.000.000 tấn sản phẩm/năm.

Tuy nhiên, do nhu cầu thị trường về đa dạng hóa mẫu mã các sản phẩm, giảm phụ thuộc từ các đơn vị gia công bên ngoài và giảm giá thành các sản phẩm nên Công ty quyết định bổ sung công đoạn sản xuất, công đoạn in vải cho xưởng may công nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may các loại, công suất 25.000.000 sản phẩm/năm.

Quá trình bổ sung công đoạn in vải lên sản phẩm sản xuất không làm thay đổi công

nghe sản xuất hiện nay đang áp dụng tại nhà xưởng (chỉ thực hiện khi có yêu cầu từ khách hàng) và không thay đổi công suất sản phẩm đã được xác nhận.

Để đánh giá những tác động của việc bổ sung công đoạn in vải và tuân thủ quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Công ty đã thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động và được phê duyệt tại Quyết định số 1095/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 04/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xưởng may công nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may các loại, công suất 25.000.000 sản phẩm/năm” tại Phường 7, quận Tân Bình của Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến.

Vị trí tiếp giáp của Dự án như sau:

- Phía Bắc : tiếp giáp Nhà thờ Chí Hòa;
- Phía Nam : tiếp giáp nhà dân và mặt đường Lê Minh Xuân;
- Phía Tây : tiếp giáp mặt đường Ba Gia;
- Phía Đông : tiếp giáp mặt đường Văn Côi.

Tọa độ giới hạn khu đất của công ty theo hệ tọa độ VN-2000 như sau:

Bảng 1.9. Tọa độ các điểm giới hạn của khu đất Công ty

STT	Tên điểm	Tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trục 105 ⁰ 45', múi chiều 3 ⁰)	
		X (m)	Y (m)
1	M1	1193140	598657
2	M2	1193092	598668
3	M3	1193096	598689
4	M4	1193066	598697
5	M5	1193069	598715
6	M6	1193097	598707
7	M7	1193110	598781
8	M8	1193087	598787
9	M9	1193093	598824
10	M10	1193071	598829
11	M11	1193074	598848
12	M12	1193095	598843
13	M13	1193102	598881
14	M14	1193116	598883
15	M15	1193120	598857
16	M16	1193123	598836
17	M17	1193130	598837
18	M18	1193152	598726
19	M19	1193149	598708

STT	Tên điểm	Tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)	
		X (m)	Y (m)
20	M20	1193164	598700
21	M21	1193152	598682
22	M22	1193153	598668
23	M23	1193147	598668
24	M24	1193143	598671

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến, 2022



Hình 1.3. Sơ đồ các góc ranh của Dự án

Dự án đầu tư trên khu đất có tổng diện tích là 11.037 m^2 với 03 nhóm hạng mục công trình: Các công trình chính phục vụ cho sản xuất; công trình phụ trợ; công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng hoàn thiện và đưa vào sử dụng. Các hạng mục công trình của dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 1.10. Các hạng mục công trình của dự án

STT	Danh mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Số tầng	Kết cấu	Phân khu chức năng
I	Các hạng mục công trình chính					
1	Nhà xưởng may 1-2	1.805	16,35	4	BTCT	Tầng 1: Khu vực cắt và đóng gói thành phẩm; Tầng 2,3,4: Khu vực xưởng may kết hợp văn phòng
2	Nhà xưởng may Sig	623	5,64	6		Tầng 1, 3, 5: Kho chứa nguyên liệu; Tầng 2,4,6: Khu vực xưởng may
3	Nhà văn phòng	155	1,40	5		Tầng 1,2,3: Khu vực văn phòng Tầng 4,5: Kho chứa nguyên liệu
4	Khu Dương Long R&D	1.000	9,0	3		Tầng 1 Kho chứa nguyên liệu Lắp đặt các thiết bị in vải Tầng 2,3: Khu vực nghiên cứu và phát triển mẫu
5	Khu vực cửa hàng	500	4,53	1		Trưng bày các sản phẩm may mặc của Công ty
6	Nhà điều hành	790	7,16	3		Tầng 1, 3, 5: Văn phòng làm việc
7	Kho thành phẩm	515	4,67	5		Tầng 1,2,3

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Danh mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Số tầng	Kết cấu	Phân khu chức năng
						Kho chứa thành phẩm Tầng 4 Văn phòng làm việc Tầng 5: Hội trường
II	Các hạng mục công trình phụ trợ					
8	Nhà ăn	832	7,54	2	BTCT	Tầng 1: Nhà ăn Tầng 2: Nhà ăn + Khu chứa nguyên liệu
9	Giao thông nội bộ	2.876	26,07	-	Bê tông nhựa asphalt	
10	Nhà bảo vệ	12	0,11	-	BTCT	
11	Nhà xe công nhân	90	0,82	-	Cột, kèo thép, mái lợp tôn, nền BTCT	
12	Trạm điện + biến áp	45	0,41	-		
13	Khu vực máy phát điện dự phòng + biến áp	60	0,54	-		
14	Khu vực máy nén khí + Lò hơi	35	0,32	-		
III	Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường					
15	Cây xanh	1.535	13,91	-	-	
16	Hệ thống xử lý nước thải	120	1,09	-	BTCT âm đất, chống thấm	
17	Kho chứa CTRCNTT	30	0,27	-	BTCT	

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Danh mục	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Số tầng	Kết cấu	Phân khu chức năng
18	Kho chứa CTNH	4	0,03	-	Cột, kèo thép, nền BTCT, cửa thép, dán nhãn, biển cảnh báo	
19	Kho chứa CTR sinh hoạt	10	0,09	-	Cột, tường gạch, kèo thép, mái lợp tôn, nền BTCT	
20	Hệ thống thoát nước mưa	-	-	-	Cống BTCT	
21	Hệ thống thoát nước thải	-	-	-	Cống BTCT	
22	Hầm tự hoại 3 ngăn nhà vệ sinh các khu					
-	Khu xưởng may Sig: 01 bể	(8)	-	-	BTCT âm đất, chống thấm	
-	Khu nhà điều hành: 02 bể	(16)	-	-		
-	Khu nhà ăn: 01 bể	(8)	-	-		
-	Khu xưởng may 1-2: 02 bể	(16)	-	-		
-	Khu kho thành phẩm: 01 bể	(8)	-	-		
-	Khu Dương Long R&D: 01 bể	(8)	-	-		
Tổng cộng		11.037	100			

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến, 2022

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

II.1. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG QUỐC GIA, QUY HOẠCH TỈNH, PHÂN VÙNG MÔI TRƯỜNG

Dự án có địa chỉ tại số 7 Lê Minh Xuân, phường 7, quận Bình Tân, Tp. Hồ Chí Minh, nằm trên thửa đất số 1354-275 tờ bản đồ số 2- Phú Thọ Hòa, Bộ Địa Chính P7, Quận Tân Bình với tổng diện tích là 11.037m² thời hạn sử dụng là 25 năm từ ngày 04/4/2005.

Trong những năm gần đây, ngành may mặc luôn là một trong những ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Với sự phát triển của công nghệ kỹ thuật, đội ngũ lao động có tay nghề ngày càng chiếm tỉ lệ lớn và sự ưu đãi từ các chính sách nhà nước, ngành này đã thu được nhiều kết quả đáng khích lệ, vừa tạo ra giá trị hàng hóa xuất khẩu, vừa đảm bảo nhu cầu tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Vì vậy, dự án “*Xưởng may công nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may các loại, công suất 25.000.000 sản phẩm/năm*” của Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến là cần thiết nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường may mặc trong và ngoài nước, phù hợp với quyết định số 4300/QĐ-UBND ngày 27/8/2014 của UBND thành phố Hồ Chí Minh về việc “Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp dệt may thành phố Hồ Chí Minh đến năm 2020, định hướng đến 2030”.

II.2. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ ĐỐI VỚI KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

Hệ thống thoát nước mưa của Công ty được tách riêng biệt với hệ thống thoát nước thải. Nước mưa từ mái khu vực nhà xưởng và văn phòng được thu gom bằng các ống uPVC chạy xuống các hố ga thu nước. Nước mưa từ các hố ga theo các tuyến mương thoát nước bằng BTCT D400 và D600 dọc theo Công ty và nối vào đường ống D800 ra vị trí đầu nối hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Ba Gia và đường Văn Côi.

Nước thải phát sinh được thu gom đưa về hệ thống HTXL tập trung của Công ty để xử lý trước khi đầu nối với hệ thống thu gom chung của thành phố. Nước thải vào hệ thống thoát nước chung của thành phố đạt tiêu chuẩn môi trường theo QCVN 40:2011/BTNTT cột B.

Chương III

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

III.1. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP THOÁT NƯỚC MƯA, THU GOM VÀ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

III.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

- Hệ thống thoát nước mưa của Công ty được tách riêng biệt với hệ thống thoát nước thải và được thu gom đầu nối với hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Ba Gia và đường Văn Côi.

- Nước mưa từ mái nhà và ban công được thu gom qua các phễu thu thoát nước mưa. Phễu thu nước được gắn thiết bị chắn rác dạng cầu hoặc mặt phẳng, tùy thuộc vào từng vị trí phù hợp với kết cấu và mỹ thuật kiến trúc công trình để lựa chọn thiết bị phù hợp. Nước mưa từ mái khu vực nhà xưởng và văn phòng được thu gom bằng các ống uPVC chạy xuống các hố ga thu nước. Nước mưa từ các hố ga theo các tuyến mương thoát nước bằng BTCT D400 và D600 dọc theo Công ty và nối vào đường ống D800 ra vị trí đầu nối hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Ba Gia và đường Văn Côi.

- Toàn Công ty có 50 hố ga thu gom với tổng chiều dài tuyến ống thu gom, thoát nước mưa khoảng 2.000 m.

Bảng 3.1. Thống kê thông số cơ bản của hệ thống thoát nước mưa tại dự án

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Kết cấu	Kích thước
1	Ống D140	m	950	Nhựa	Đường kính 140mm
2	Hố ga				
-	Hố ga	cái	02	BTCT	1000mx800mm
-	Hố ga	cái	48	BTCT	500mmx500mm
3	Ống D400	m	600	BTCT	Đường kính 400mm
4	Ống D600	m	400	BTCT	Đường kính 600mm
5	Ống D800	m	50	BTCT	Đường kính 800mm

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến, 2022

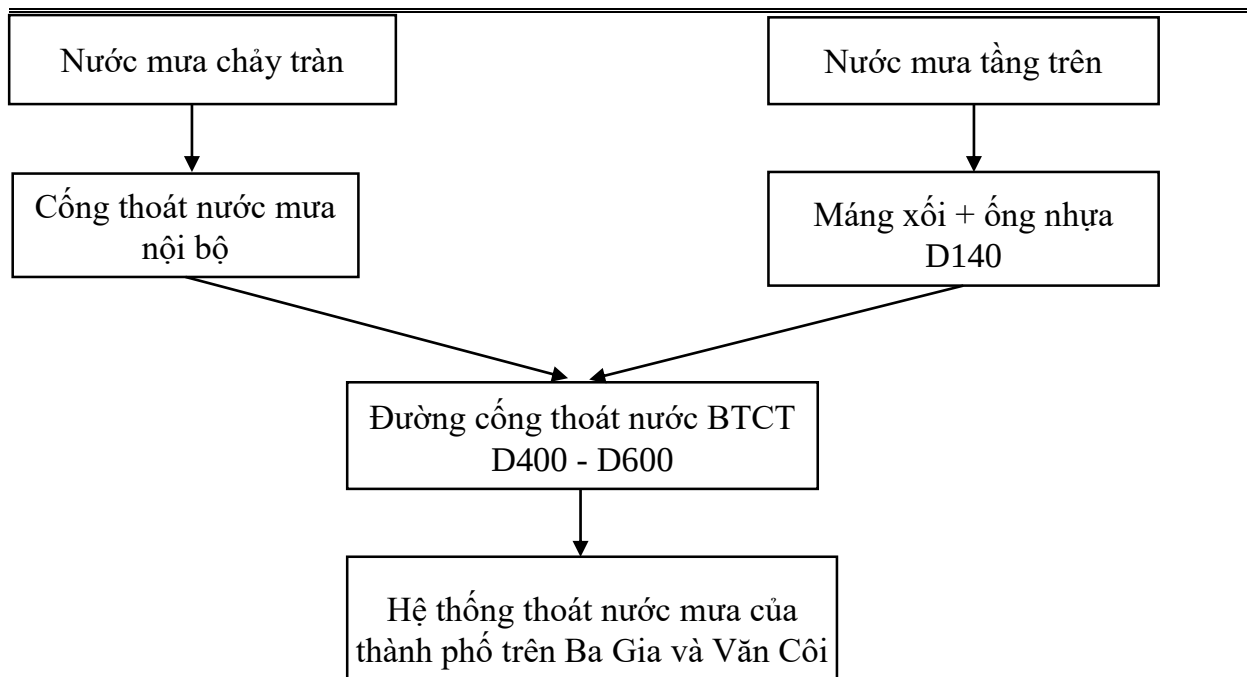
- Số lượng, vị trí thoát nước mưa ra ngoài môi trường:

+ Số lượng: 02 vị trí thoát nước mưa ra ngoài môi trường.

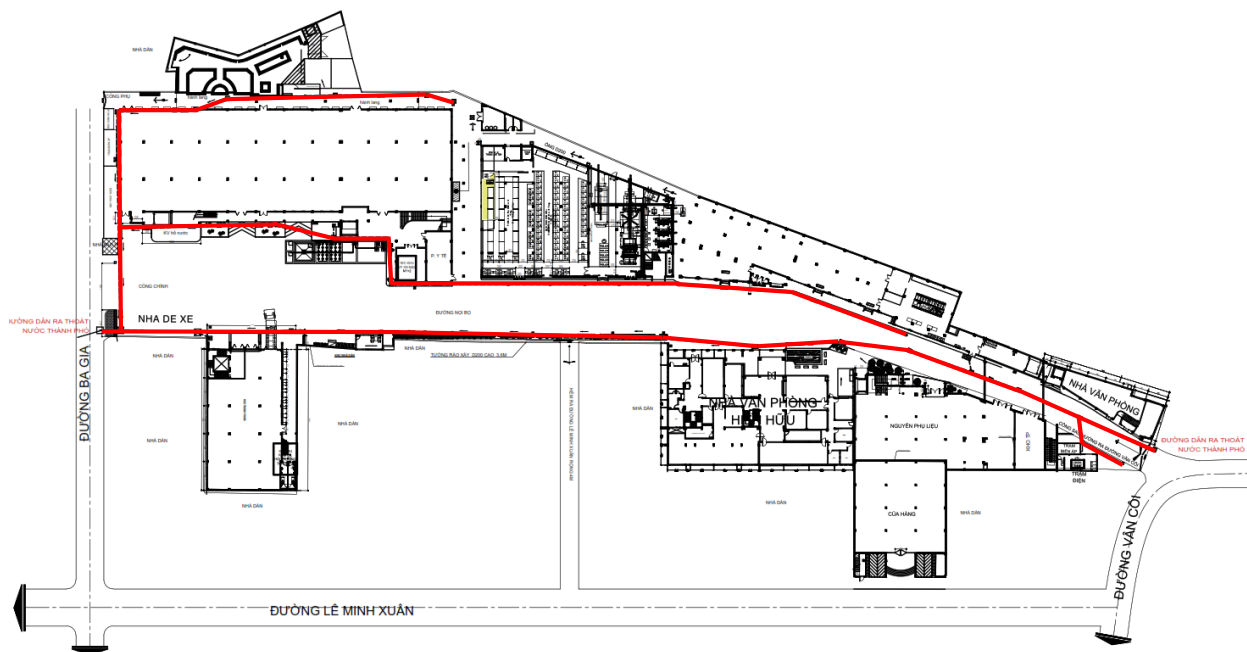
+ Tọa độ vị trí thoát nước mưa trên đường Ba Gia (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, vĩ chiều 3°): X=598669; Y=1193100.

+ Tọa độ vị trí thoát nước mưa trên đường Văn Côi (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, vĩ chiều 3°): X=598895; Y=1193134.

- Quy trình vận hành tại các điểm thoát nước mưa: Tự chảy.



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của Công ty



Hình 3.2. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước mưa của Công ty

III.1.2. Thu gom, thoát nước thải

- Công trình thu gom nước thải

Hệ thống đường ống thu gom nước thải của Công ty được bố trí xung quanh nhà xưởng, văn phòng, nhà ăn,... và được lắp đặt bằng đường ống uPVC có kích thước Ø250mm tại những nơi có phát sinh nước thải. Nước thải được thu gom bằng các đường ống kín và lắp đặt các ống nối để đưa về hệ thống thu gom chính. Nước thải từ các nguồn phát sinh bên trong Công ty được thu gom và xử lý theo các quy trình sau:

Nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng hầm tự hoại trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để tiếp tục xử lý.

Nước thải từ nhà ăn: Được xử lý qua bể tách dầu mỡ sau đó dẫn về hệ thống xử lý

nước thải tập trung của Công ty để tiếp tục xử lý.

Nước thải từ quá trình xả cặn lò hơi được thu gom đưa về hệ thống HTXL tập trung của Công ty để xử lý trước khi đầu nối với hệ thống thu gom chung của thành phố.

Bảng 3.2. Thống kê thông số cơ bản của hệ thống thu gom nước thải tại dự án

Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Kết cấu	Kích thước
1	Ống D250	m	350	Nhựa uPVC	Đường kính 250mm
2	Ống D60	m	150	Nhựa uPVC	Đường kính 60mm
3	Hố ga				
-	Hố ga	cái	04	BTCT	500mmx500mm
-	Hố ga	cái	20	BTCT	300mx300mm

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến, 2022

- Công trình thoát nước thải:

Các thông số kỹ thuật cơ bản (kết cấu, kích thước, chiều dài,...) của từng tuyến thoát nước thải trước khi xả ra môi trường tiếp nhận cụ thể như sau:

Bảng 3.3. Thống kê thông số cơ bản của hệ thống thoát nước thải tại dự án

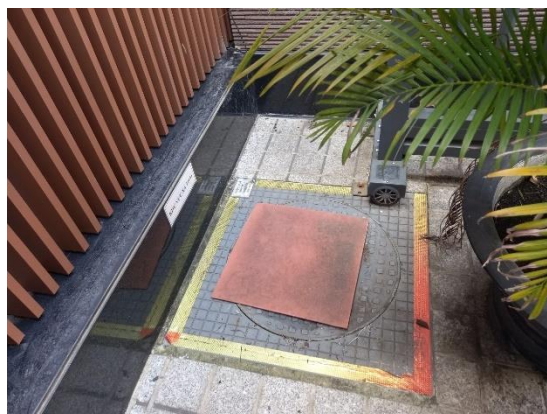
Stt	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Kết cấu	Kích thước
1	Ống D250	m	100	Nhựa uPVC	Đường kính 250mm
2	Hố ga				
-	Hố ga	cái	02	BTCT	1000mmx800mm
-	Hố ga	cái	01	BTCT	300mx300mm

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến, 2022

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

+ Vị trí xả nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Ba Gia. Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiếu 3°): X (m): 598669, Y (m): 1193100.

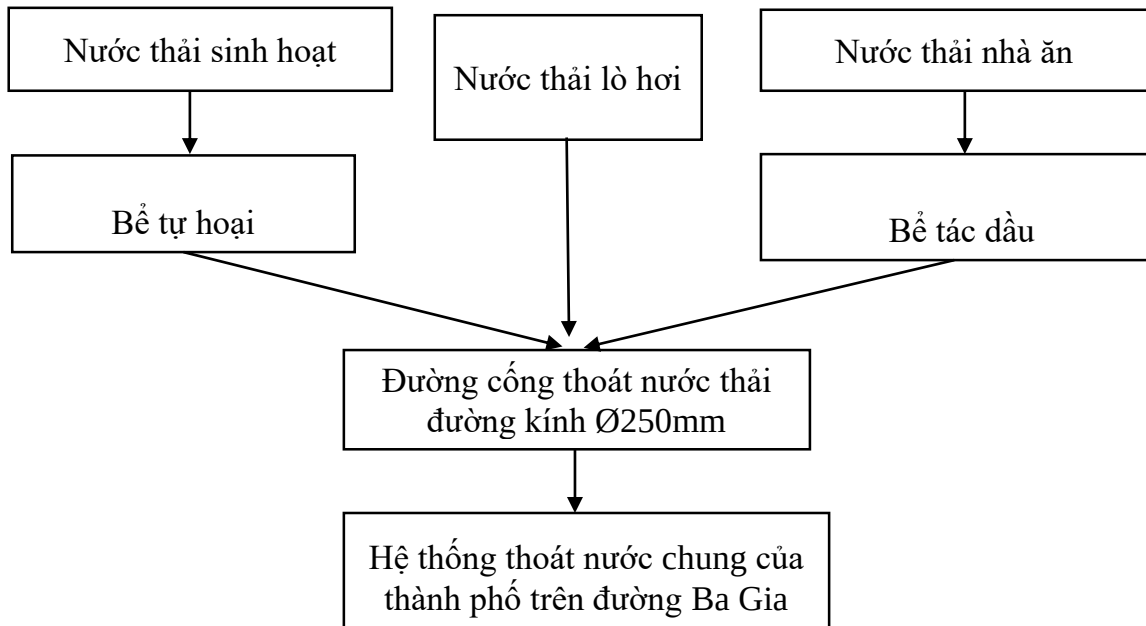
+ Đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đầu nối nước thải: Nước thải của công ty được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố. Ngoài ra, công ty bố trí hố ga trước khi đầu nối tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra, giám sát và lấy mẫu nước thải.



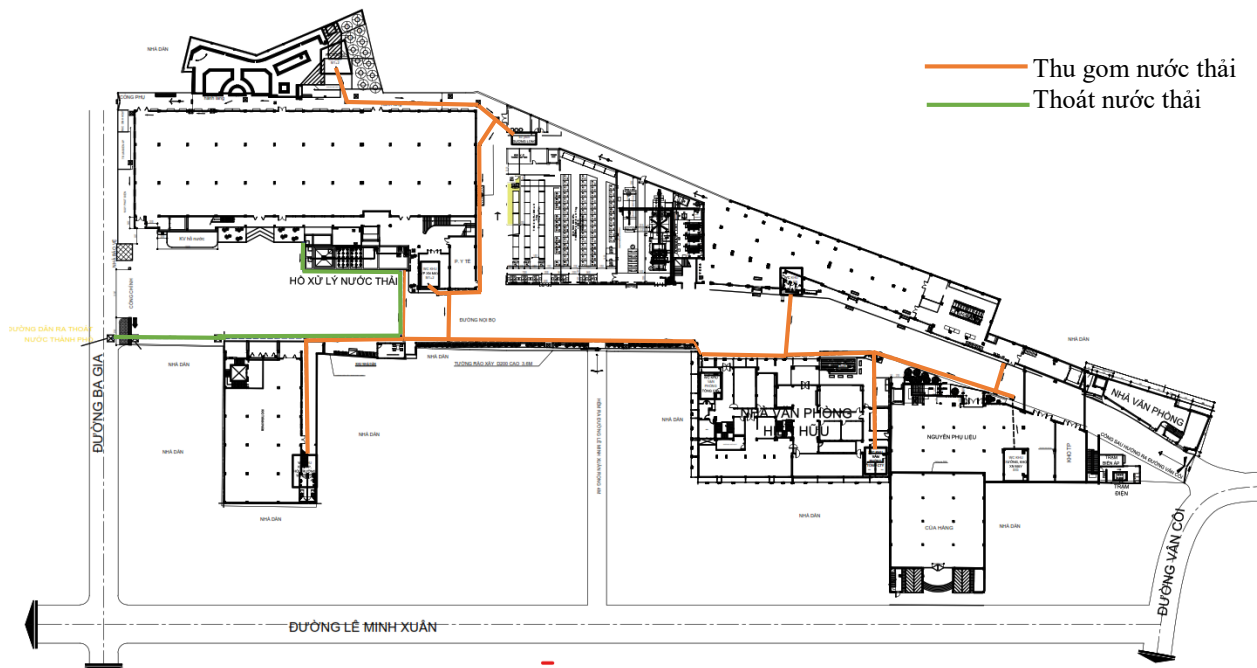
Hình 3.3. Hố ga xả thải của Công ty

+ Nguồn tiếp nhận nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Ba Gia.

- Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải như sau:



Hình 3.4. Sơ đồ thu gom và thoát nước thải của Công ty



Hình 3.5. Sơ đồ mạng lưới thu gom và thoát nước thải của Công ty

III.1.3. Xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải đã được xây dựng, lắp đặt:

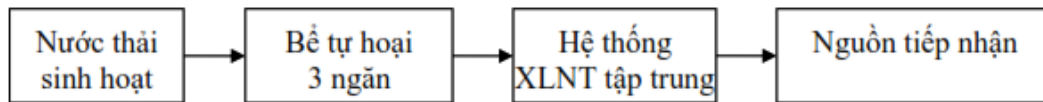
Nước thải sinh hoạt: Được xử lý bằng hầm tự hoại trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để tiếp tục xử lý.

Công ty xây dựng 08 bể tự hoại có thể tích $16\text{m}^3/\text{bể}$, bố trí cụ thể như sau:

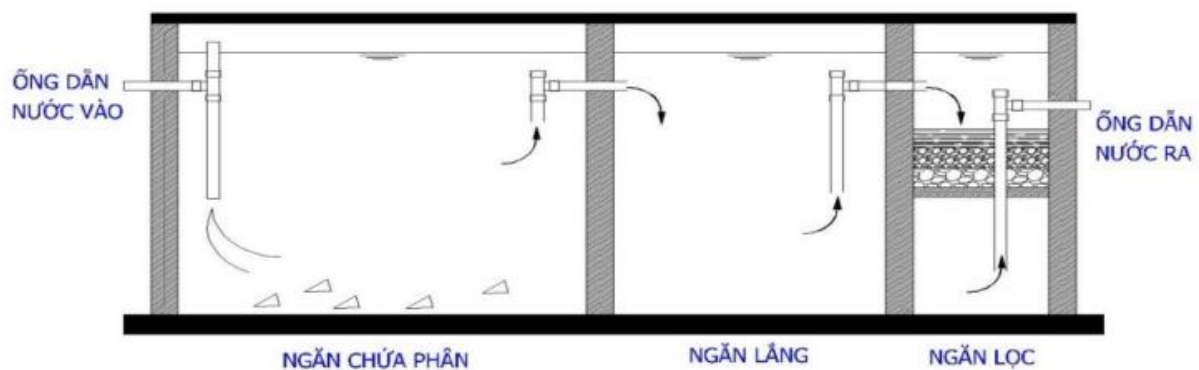
- + Khu xưởng may Sig: 01 bể;
- + Khu điều hành: 02 bể;

- + Khu nhà ăn: 01 bể;
- + Khu xưởng mai 1-2: 02 bể;
- + Khu kho thành phẩm: 01 bể;
- + Khu Dương Long R&D: 01 bể.

Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt được trình bày trong hình dưới đây:



Hình 3.6. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt hiện hữu của Công ty



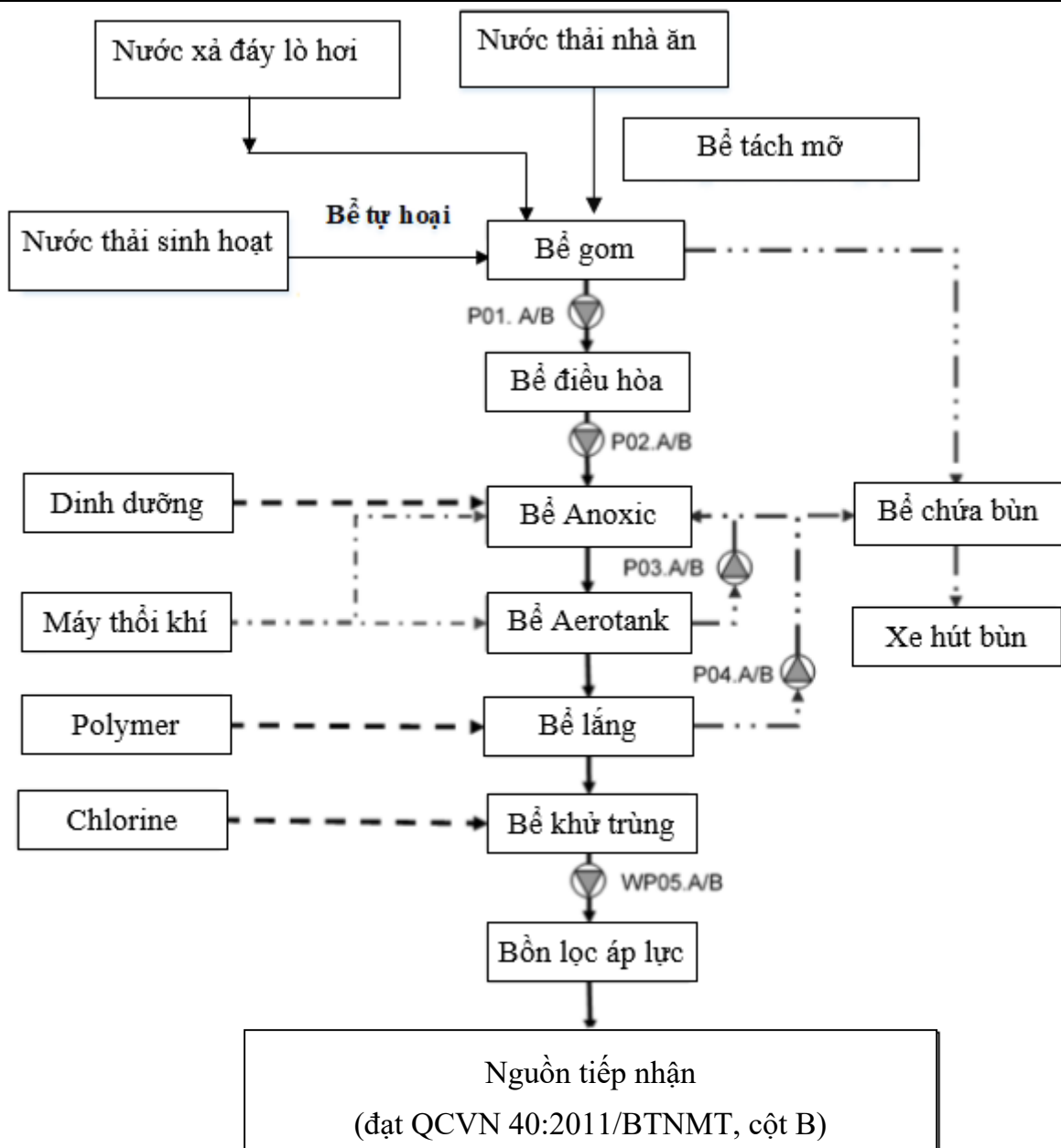
Hình 3.7. Cấu tạo bể tự hoại 3 ngăn

Nước thải từ nhà ăn: Được xử lý qua bể tách dầu mỡ sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Công ty để tiếp tục xử lý. Kích thước bể tách dầu mỡ 0,45m x 1,6m x 1,0m.

Nước thải từ quá trình xả cặn lò hơi được thu gom đưa về hệ thống HTXL của Công ty để xử lý trước khi đầu nối với hệ thống thu gom chung của thành phố.

Hệ thống XLNT tập trung:

Khu vực hệ thống XLNT tập trung hiện hữu của dự án có diện tích khoảng 120m², được đặt chìm với công suất là 180 m³/ngày.đêm (Công ty TNHH Xây dựng và Môi trường Trí Việt thiết kế, thi công xây dựng) để xử lý các nguồn nước thải phát sinh của dự án. Nước thải sau xử lý đạt cột B, QCVN 40:2021/BTNMT trước khi xả ra hệ thống cống thoát nước thải chung của thành phố trên đường Ba Gia.



Hình 3.8. Quy trình công nghệ hệ thống XLNT công suất 180 m³/ngày của Công ty

Bể gom: Nước thải sinh hoạt và sản xuất của dự án sẽ được thu gom, xử lý sơ bộ theo ống thu dẫn chảy về bể gom. Bể gom này có chức năng gom nước thải và tách dầu mỡ, rác, sau đó nước thải được bơm qua bể điều hòa.

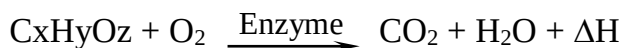
Bể điều hòa: Bể điều hòa có nhiệm vụ điều hòa lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải một cách ổn định trước khi đưa vào các công trình đơn vị phía sau, đặc biệt là cụm bể sinh học giúp cho các vi sinh có thể thích nghi với nước thải trong điều kiện ổn định, tránh được tình trạng vi sinh bị sốc tải. Bên cạnh đó, Bể điều hòa lưu lượng và nồng độ cũng như chế độ hoạt động của các thiết bị cơ khí như bơm, máy thổi khí được duy trì một cách ổn định. Bể điều hòa được máy thổi khí cấp khí liên tục ngăn chặn việc làm lắng cặn có thể gây phân hủy phát sinh mùi hôi trong quá trình vận hành. Từ bể điều hòa, nước thải được bơm chìm bơm điều hòa vào hạng mục xử lý sinh học Bể Anoxic.

Bể Anoxic: Bể Anoxic được thiết kế với các mục đích như sau:

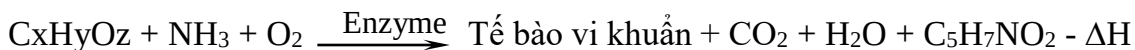
- Ổn định nồng độ chất ô nhiễm, chống sốc tải trong trường hợp nồng độ chất ô nhiễm vượt quá nồng độ tiếp nhận của bể sinh học hiếu khí.
- Trong trường hợp bùn già và tải trọng thấp bể sinh học cao tải hoạt động như một bể selector có thể hạn chế sự phát triển vi sinh dạng sợi làm ảnh hưởng đến quá trình phát triển của vi sinh trong bể sinh học hiếu khí. Ngoài ra, nếu vi sinh dạng sợi phát triển mạnh sẽ làm bùn sinh học khó lắng dễ bị nổi.
- Một mục đích quan trọng khác quan trọng nhất của bể anoxic là có khả năng khử nitrat khi hàm lượng nitơ trong nước thải đầu vào tăng cao. Đảm bảo chất lượng nước đầu ra luôn luôn đạt theo yêu cầu đầu ra.

Bể Aerotank: Công trình xử lý sinh học tiếp theo là Bể sinh học hiếu khí kết hợp nitrate hóa. Mục đích của bể này là (1) giảm nồng độ các chất hữu cơ thông qua hoạt động của vi sinh tự dưỡng hiếu khí; (2) thực hiện quá trình nitrate hóa nhằm tạo ra lượng nitrate cho hệ thống thiếu khí phía trước thông qua nhóm vi sinh vật Nitrosomonas và Nitrobacter. Máy thổi khí được vận hành liên tục nhằm cung cấp oxy cho cả hai nhóm vi sinh vật hiếu khí này hoạt động. Đối với quần thể vi sinh vật tự dưỡng hiếu khí, trong điều kiện thổi khí liên tục, quần thể vi sinh vật này sẽ phân hủy các hợp chất hữu cơ có trong nước thải thành các hợp chất vô cơ đơn giản như CO₂ và H₂O theo 3 giai đoạn:

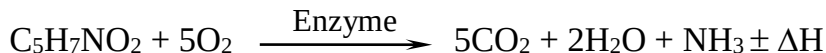
Oxy hóa các chất hữu cơ:



Tổng hợp tế bào mới:



Phân hủy nội bào:



Bể lắng sinh học: Nước thải sau khi ra khỏi Bể sinh học hiếu khí sẽ chảy tràn qua Bể lắng sinh học. Tại đây, xảy ra quá trình lắng tách pha và giữ lại phần bùn (vi sinh vật). Phần bùn lắng này chủ yếu là vi sinh vật trôi ra từ Bể hiếu khí. Một lượng bùn được bơm tuần hoàn về Bể thiếu khí để đảm bảo duy trì lượng vi sinh trong bể. Phần bùn dư được bơm bùn bơm về Bể chứa bùn. Sau đó, qua máy ép bùn nhằm làm giảm độ ẩm và mang đi xử lý theo quy định. Phần nước tách pha từ bể phân hủy bùn sẽ được tuần hoàn về bể tiếp nhận để được tiếp tục xử lý.

Bể khử trùng: Phần nước trong sau khi ra khỏi bể lắng bùn sinh học sẽ được dẫn vào Bể khử trùng, đồng thời hóa chất khử trùng Chlorine được bơm hóa chất bơm vào để tiêu diệt các vi trùng gây bệnh như E.Coli, Coliform,... có trong nước thải.

Bồn lọc áp lực: Nước thải được bơm qua lớp vật liệu lọc cát nhằm loại bỏ triệt để các bông cặn còn sót lại trong nước thải trước khi thải ra môi trường. Nước sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Bể chứa bùn sinh học: Quá trình xử lý sinh học hiếu khí sẽ làm gia tăng liên tục lượng bùn vi sinh trong Bể sinh học. Đồng thời lượng bùn ban đầu sau thời gian sinh trưởng phát triển sẽ giảm khả năng xử lý chất ô nhiễm trong nước thải và chết đi. Lượng bùn này còn gọi là bùn dư và được đưa về Bể chứa bùn sinh học. Một phần bùn sẽ được bơm tuần hoàn về Bể sinh học thiếu khí. Bùn chứa tại bể chứa bùn sẽ được đơn vị có chức năng hút xử lý định kỳ.

- Định mức tiêu hao điện năng của hệ thống xử lý: 1000Kwh/tháng.

- Các loại hóa chất sử dụng trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải:

+ PAC: 13,2 tấn/năm;

+ Polymer: 06 tấn/năm;

+ $\text{Ca}(\text{OCl})_2$: 15 tấn/năm.

Bảng 3.4. Các thông số hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m³/ngày

Ký hiệu	Tên	Số lượng	Kích thước (DxRxC m)	Vật liệu
T01	Bể thu gom	01	1,5 x 1,5 x 4,25	BTCT- Quét chống thấm
T02	Bể điều hòa	01	4,5 x 6,0 x 4,25	BTCT- Quét chống thấm
T03	Bể Anoxic	01	4,5 x 3,0 x 4,25	BTCT- Quét chống thấm
T04	Bể Aerotank	02	T04A: 4,5 x 2,5 x 4,25 T04B: 4,5 x 2,75 x 4,25	BTCT- Quét chống thấm
T05	Bể lắng	01	4,5 x 4,5 x 4,25	BTCT- Quét chống thấm
T06	Bể khử trùng	01	2,0 x 1,25 x 4,25	BTCT- Quét chống thấm
T07	Bể chứa bùn	01	5,5 x 2,58 x 4,25	BTCT- Quét chống thấm
T08	Hầm đặt thiết bị	01	5,5 x 2,58 x 4,25	BTCT- Quét chống thấm

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến, năm 2022



Hình 3.9. Hệ thống XLNT công suất 180 m³/ngày của Công ty

Bảng 3.5. Danh mục máy móc thiết bị hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m³/ngày

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
I		THIẾT BỊ		
A	BỂ GOM TK01			
1	Song chắn rác	Kiểu: Song chắn rác Kích thước khe lọc: 5 mm Vật liệu: SUS304 Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1
2	Phao điện cực (LS-01)	Loại: Phao quả (phao nổi); Cấp độ bảo vệ: IP68 Kiểu cáp: NEOP.H07BN-4F 3x1 Nhiệt độ vận hành: 0°C - 50°C Nhiệt độ bể chứa: -10°C -60 °C Nguồn điện: 16A/250V Kích thước: 106 x 154 x 54mm Đạt tiêu chuẩn: ENEC/CE Vật liệu: polypropylene Xuất xứ: Italia	Cái	1
3	Bơm nước thải P01 A/B	Kiểu bơm: Bơm chìm Lưu lượng: 18m ³ /giờ Cột áp: 5m Đường kính ống ra DN50 Công suất định mức: 0,75kw Điện áp định mức: 3phase, 380V Vật liệu: Thân bơm: gang Nắp và guồng: gang Xuất xứ: Đài Loan	cái	2
4	Coupling và phụ kiện P01 A/B	Coupling: DN50 Vật liệu: Gang Phụ kiện: xích kéo, thanh trượt, bảng mã, bù long, ốc vít: inox SUS 304,	Cái	2
B	BỂ ĐIỀU HOÀ TK02			
1	Giò chắn rác tinh	Kiểu: Song chắn rác Kích thước khe lọc: 2 mm Vật liệu: SUS304 Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1
2	Phao điện cực (LS-02/ LS-	Loại: Phao quả (phao nổi);	Cái	2

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	03)			
		Cấp độ bảo vệ: IP68		
		Kiểu cáp: NEOP. H07BN-4F 3x1		
		Nhiệt độ vận hành: 0°C - 50°C		
		Nhiệt độ bể chứa: -10°C - 60 °C		
		Nguồn điện: 16A/250V		
		Kích thước: 106 x 154 x 54mm		
		Đạt tiêu chuẩn: ENEC/CE		
		Vật liệu: polypropylene		
		Xuất xứ: Italia		
3	Bơm nước thải P02 A/B	Kiểu bơm: Bơm chìm	cái	2
		Lưu lượng: 18m ³ /giờ		
		Cột áp: 5m		
		Đường kính ống ra DN50		
		Công suất định mức: 0,75kw		
		Điện áp định mức: 3phase, 380V		
		Vật liệu:		
		Thân bơm: gang		
		Nắp và guồng: gang		
		Xuất xứ: Đài Loan		
4	Coupling và phụ kiện P02 A/B	Coupling: DN50	Cái	2
		Vật liệu: Gang		
		Phụ kiện: xích kéo, thanh trượt, bảng mã, bù long, ốc vít: inox SUS 304.		
		Xuất xứ: Đài Loan		
5	Biến tần cho bơm nước thải P02 A/B	Công suất 0,75kw, 1Hp, 380V	cái	2
		- Sản xuất: AB- Rockwell		
C	BỂ ANOXIC TK03			
1	Máy khuấy chìm MX01 A/B	Kiểu: Khuấy chìm	Cái	2
		- Công suất: 0,7kw, 3phase		
		- Vật liệu:		
		Thân gang, cánh gang		
		- Sản xuất: Faggiolati - Italia		
2	Thanh trượt và phụ kiện	- Thanh trượt, bảng mã, bù long, ốc vít, xích kéo: Inox SUS 304	Cái	2
		- Sản xuất: Việt Nam		
D	BỂ SINH HỌC HIẾU KHÍ TK04			

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
1	Máy thổi khí AB 01/02	Lưu lượng: 5m ³ khí/phút, sử dụng cho khu dân cư	Bộ	2
		Cột áp: 5m		
		Đường kính ống vào - ra: DN80		
		Vật liệu: Thân gang, trục gang		
		Tốc độ: 500RPM		
		<u>Động cơ</u>		
		Điện áp: 7,5kw, 4 cực, 3phase, 380V		
		Phụ kiện: Ống giảm thanh, van 1 chiều, van an toàn, belt cover, đồng hồ áp lực, pulley, cua ro, khớp nối mềm, khung đế		
		Xuất xứ: Tohin - Nhật Bản		
2	Đĩa phân phối khí	- Kiểu: Đĩa (Disc), Bọt mịn (Fine bubble)	Cái	30
		- Lưu lượng thiết kế: 0,0 – 15 m ³ /h		
		- Diện tích bề mặt hoạt động: 0.038 m ²		
		- Đường kính tổng: 12"		
		- Đầu nối: ren 27mm		
		Vật liệu:		
		- Màng: EPDM		
		- Khung: GFPP (glass-filled polypropylene)		
		Xuất xứ: EDI/Mỹ		
3	Bơm nước thải P04 A/B	Kiểu bơm: Bơm chìm	cái	2
		Lưu lượng: 18m ³ /giờ		
		Cột áp: 5m		
		Đường kính ống ra DN50		
		Công suất định mức: 0,75kw		
		Điện áp định mức: 3phase, 380V		
		<u>Vật liệu:</u>		
		Thân bơm: gang		
		Nắp và guồng: gang		
		Xuất xứ: Đài Loan		
4	Coupling và phụ kiện P04 A/B	Coupling: DN50	Cái	2
		Vật liệu: Gang		
		Phụ kiện: xích kéo, thanh trượt, bảng mã, bù long, ốc vít: inox SUS 304,		

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		Xuất xứ: Đài Loan		
E	BỂ LẮNG SINH HỌC TK05			
1	Ống hướng dòng	Kiểu: hướng dòng	Bộ	1
		Đường kính: 0,8m x 2,2m		
		Vật liệu: Inox SUS 304		
		Sản xuất: Việt Nam		
2	Đập tràn, vành chắn bọt	Kích thước: 0,25 x 32m	Bộ	1
		Vật liệu: Inox SUS 304		
		Sản xuất: Việt Nam		
3	Bơm nước thải P05 A/B	Kiểu bơm: Bơm chìm	Cái	2
		Lưu lượng: 6m ³ /giờ		
		Cột áp: 5m		
		Đường kính ống ra DN50		
		Công suất định mức: 0,37kw		
		Điện áp định mức: 3phase, 380V		
		<u>Vật liệu:</u>		
		Thân bơm: gang		
		Nắp và guồng: gang		
		Xuất xứ: Đài Loan		
4	Coupling và phụ kiện P05 A/B	Coupling: DN50	Cái	2
		Vật liệu: Gang		
		Phụ kiện: xích kéo, thanh trượt, bảng mã, bù long, ốc vít: inox SUS 304,		
		Xuất xứ: Đài Loan		
5	Hệ thống hỗ trợ lắng bùn	Vật liệu: PVC	Hệ	1
		Độ nghiêng 60°		
		Độ dày: 0,5-1mm		
		Phụ kiện: hệ thống giàn đỡ: SS304		
		Sản xuất: Trí Việt gia công		
F	BỂ KHỬ TRÙNG TK09			
1	Máy bơm lọc áp lực P09 A/B	Dạng: ly tâm tự mồi Wortex	Cái	2
		- Lưu lượng 12m ³ /giờ, cột áp = 15m		
		- Công suất :1,1kw, 1,5HP, 3phase, 380V		
		- Sản xuất: Cospet - Italia		
G	PHÒNG ĐẶT THIẾT BỊ			
1	Bơm nước thải WP01 A/B	Kiểu bơm: Bơm chìm	cái	2

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		Model: 50AFU2.8		
		Lưu lượng: 18m ³ /giờ		
		Cột áp: 5m		
		Đường kính ống ra DN50		
		Công suất định mức: 0,75kw		
		Điện áp định mức: 3phase, 380V		
		Vật liệu:		
		Thân bơm: gang		
		Nắp và guồng: gang		
		Xuất xứ: Đài Loan		
2	Coupling và phụ kiện P04 A/B	Coupling: DN50	Cái	2
		Model: T2-50		
		Vật liệu: Gang		
		Phụ kiện: xích kéo, thanh trượt, bảng mã, bù long, ốc vít: inox SUS 304.		
		Xuất xứ: Đài Loan		
H	BƠM NƯỚC TÁI SỬ DỤNG LẮP TẠI PHÒNG THIẾT BỊ			
1	Bơm nước thải WP02A/B	Kiểu bơm: Bơm ly tâm	cái	2
		Lưu lượng: 2,4-6 m ³ /giờ		
		Cột áp: 13-42m		
		Đường kính ống ra DN25		
		Công suất định mức: 0,75kw		
		Điện áp định mức: 1phase, 220V		
		Vật liệu:		
		Thân bơm: TECNOPOLIMERO		
		Trục motor: INOX 416		
		Xuất xứ: Dab - Italia		
I	BỒN LỌC ÁP LỰC			
1	Bồn lọc áp lực	- Lưu lượng: 16m ³ /giờ	Bộ	1
		- Vật liệu: SS304, dày 3mm, đường kính: 1000mm x 1800mm		
		- Sản xuất : Việt Nam		
2	Vật liệu lọc	Vệ sinh, thay thế vật liệu lọc	Bộ	1
		- Vật liệu lọc: cát, đá, than hoạt tính		
		- Sản xuất: Việt Nam		
3	Đồng hồ đo lưu lượng FM102	Đo lưu lượng tức thời và lưu lượng tổng	Bộ	1

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
		Đường kính DN50		
		Dài đo: 0,7 -80 m ³ /giờ		
		Tín hiệu xuất ra: 4 - 20mA		
		Kết nối: mặt bích		
		Nguồn cấp 24A		
		Cấp độ bảo vệ: IP67		
		Sản xuất: Siemens - Pháp		
J	HỆ THỐNG HÓA CHẤT			
1	Bồn đựng hoá chất Polymer, Chlorine, dinh dưỡng	- Vật liệu: PVC	Cái	3
		- Sản xuất: Việt Nam		
		- Thể tích: 300 lít		
2	Motor khuấy trộn hóa chất Polymer, dinh dưỡng	Kiểu: mặt bích	Cái	2
		- Công suất: 0,37kw, 0,5HP, 3phase, 380V		
		- Tốc độ: 70 vòng/phút		
		- Phụ kiện: cánh khuấy, giá lắp motor		
		- Sản xuất: Motor Dolin - Đài Loan		
3	Bơm định lượng dinh dưỡng, Polymer, Javen	Dạng: bơm màng	Cái	6
		- Công suất: 180W, 380V, 3 phase		
		- Lưu lượng: 75l/giờ		
		<u>Vật liệu:</u>		
		Đầu bơm: PP		
		Màng bơm: PTFE		
		- Xuất xứ: FWT - Italia		
II	HỆ THỐNG ĐIỆN ĐỘNG LỰC VÀ ĐIỀU KHIỂN TỰ ĐỘNG TRUNG TÂM			
1	Hệ thống điện động lực	+ Cấp điện động lực	hệ thống	1
		+ Dây điện		
		+ Máng dẫn điện động lực (inox)		
		- Sản xuất: Việt Nam		
2	Hệ thống điện điều khiển tự động:	- Tủ điện điều khiển: lập trình PLC, màn hình HMI	Bộ	1
		- CB, contactor, relay, timer, phao: Đài Loan, Hàn Quốc		
		- Cấp điện: Cadivi,...		
III	HỆ THỐNG ĐƯỜNG ỐNG CÔNG NGHỆ, NUÔI CẤY VI SINH, GIÁ THỂ			
1	Hệ thống đường ống công	- Hệ thống đường ống phân phối	Hệ thống	1

STT	Hạng mục	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng
	nghe:	khí: inox 304, ống nhựa PVC, van inox, co, tê,...		
		- hệ thống đường ống hoá chất: nhựa PVC		
		- Sản xuất: Việt Nam, Đài Loan.		

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến, năm 2022

III.2. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP XỬ LÝ BỤI, KHÍ THẢI:

- Công trình thu gom khí thải trước khi được xử lý:

Bụi, khí thải từ 02 máy phát điện dự phòng xả ra ngoài môi trường qua 03 ống khói thải có đường kính 300mm và chiều cao 20m.

- Công trình xử lý bụi, khí thải đã được xây dựng, lắp đặt:

Quy trình công nghệ: Khí thải máy phát điện → Ống khói thải có đường kính 300mm và cao 20m.



Hình 3.10. Ống khói thải của máy phát điện

III.3. CÔNG TRÌNH LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI RẮN THÔNG THƯỜNG:

III.3.1. Chất thải sinh hoạt

Chất thải rắn phát sinh trong giai đoạn hoạt động của nhà máy chủ yếu là chất thải rắn sinh hoạt của công nhân làm việc tại nhà máy như: thực phẩm dư thừa, hộp đựng đồ ăn thức uống, giấy, nylon, vải, lon thiếc,... Với số lượng công nhân viên của nhà máy khoảng 1.600 người, thì lượng rác thải sinh hoạt khoảng 800 kg/ngày.

Khu vực tập kết CTR sinh hoạt của dự án được bố trí tại phía Tây khu đất của dự án với diện tích 10m², kết cấu vè kèo, khung thép, mái che bằng tôn, nền đổ bê tông.

Hàng ngày sau mỗi ca làm việc, công nhân vệ sinh môi trường sẽ đi thu gom các loại chất thải phát sinh tại các thùng rác công cộng đặt trong các khu vực nhà xưởng, văn phòng, nhà ăn,... và đưa về khu chứa CTR sinh hoạt, cuối ngày, Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Tân Bình sẽ đến thu gom xử lý.

Phân loại tại nguồn

Các loại chất thải sinh hoạt phát sinh sẽ được tiến hành phân loại thành 02 loại chính sau:

- Chất thải hữu cơ – rác dễ phân hủy (chủ yếu là rác thực phẩm).
- Chất thải còn lại – bao gồm các loại rác vô cơ và khó phân hủy.

Phương tiện lưu trữ chất thải rắn sinh hoạt

CTR sinh hoạt của công ty được chứa trong thùng nhựa 240 lít với số lượng 20 thùng, có nắp đậy kín sau đó được tập trung tại khu vực chứa rác của nhà xưởng có diện tích 10 m².

Các thùng nhựa với màu sắc quy định khác nhau sẽ được phân bố rải rác tại nhà xưởng, văn phòng,... Chức năng của mỗi thùng như sau:

Thùng màu xanh lá cây chứa chất thải rắn thực phẩm và không tái chế, trong đó:

- Thùng 10 lít đặt tại nhà vệ sinh.
- Thùng 15 lít đặt tại văn phòng làm việc.
- Thùng 240 lít đặt tại khu vực tập trung chất thải rắn của dự án.
- Thùng màu cam chứa các loại chất thải rắn còn lại có khả năng tái chế (giấy văn phòng, vỏ lon nước ngọt, túi nilong,...) trong đó:
 - Thùng 15 lít đặt tại văn phòng.
 - Thùng 240 lít đặt tại khu vực tập trung chất thải rắn của dự án.

Phương thức thu gom

Chủ dự án sẽ tiến hành quét dọn đường nội bộ, đồng thời đặt các thùng chứa rác trong khu vực nhà máy một cách hợp lý, tiến hành thu gom hàng ngày, tập kết tại khu vực bãi chứa, đội xe của đơn vị thu gom đến vận chuyển đem đi xử lý.

Chủ đầu tư sẽ ký hợp đồng với đơn vị thu gom vận chuyển và xử lý toàn bộ lượng chất thải rắn này theo quy định.

Tần suất thu gom: 1 lần/ngày;



Hình 3.11. Bố trí thùng rác và khu vực lưu chứa chất thải sinh hoạt

III.3.2. Chất thải công nghiệp thông thường

Lượng chất thải công nghiệp không nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất của nhà máy khoảng 616 tấn/năm. Thành phần chủ yếu là vải vụn, chỉ dư, sản phẩm lỗi, bao bì giấy, bao bì nhựa, dây nhựa thải, hạt, nút hỏng trong quá trình sản xuất,...

Tổng hợp chất thải rắn công nghiệp phát sinh trong quá trình sản xuất như sau:

Bảng 3.6. Ước tính khối lượng chất thải rắn công nghiệp không nguy hại phát sinh

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng
1	Vải vụn, chỉ dư, sản phẩm lỗi	Tấn/năm	580
2	Bao bì bằng giấy	Tấn/năm	8
3	Carton	Tấn/năm	23
4	Bao bì nhựa, nilong	Tấn/năm	3,8
5	Hạt, nút hỏng trong quá trình sản xuất	Tấn/năm	1,2
Tổng cộng		Tấn/năm	616

Nguồn: Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến, năm 2022

Các loại rác công nghiệp trong nhà máy được phân loại tại nguồn và được tập trung vào khu vực chứa rác công nghiệp hiện hữu có mái che bằng tôn, tường gạch vữa bê tông, cửa khóa và nền đổ bê tông. Kho chứa chất thải thông thường hiện hữu có diện tích 30m² (bố trí phía Đông khu đất của dự án).

Do khối lượng chất thải rắn sản xuất chủ yếu là vải vụn, gòn vụn, thùng carton,... phát sinh thường xuyên, cho nên được thu gom 2 lần/ca làm việc. Sau đó được phân loại các loại chất thải (giấy, bao bì, thùng carton, vải vụn, gòn vụn) và đưa đến kho chứa CTR thông thường, định kỳ (tùy thuộc vào nhu cầu của Công ty, sẽ tiến hành thông báo cho Công ty TNHH môi trường Dương Tuấn Phát tiến hành thu gom) được bán cho Công ty TNHH môi trường Dương Tuấn Phát (Căn cứ theo hợp đồng số 01/2022/HĐNT VTEC-DTP ngày 03/01/2022, còn hiệu lực đến ngày 31/12/2022, thời gian chuyển giao chất thải do Công ty thông báo với đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý là Công ty TNHH Môi trường Dương Tuấn Phát).



Hình 3.12. Khu vực lưu chứa chất thải sản xuất của công ty

III.4. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP LƯU GIỮ, XỬ LÝ CHẤT THẢI NGUY HẠI:

- Dự báo về khối lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành (kg/năm và kg/tháng):

Trong quá trình hoạt động của nhà máy sẽ phát sinh ra khối lượng chất thải nguy hại bao gồm bao bì mềm thải dính hóa chất, bao bì cứng thải dính hóa chất, bột hóa chất trong quá trình sản xuất, giẻ lau dính dầu nhớt,...

Lượng chất thải nguy hại phát sinh tùy thuộc vào quá trình hoạt động của dự án. Chất thải rắn nguy hại phát sinh 1.240 kg/năm tương đương 103,33 kg/tháng được trình bày trong Bảng sau.

Bảng 3.7. Khối lượng chất thải rắn nguy hại phát sinh

STT	Loại chất thải	Đơn vị	Khối lượng	Trạng thái	Mã CTNH
1	Ghẻ lau dính dầu và các thành phần nguy hại(*)	Kg/năm	735	Rắn	18 02 01
2	Bóng đèn huỳnh quang	Kg/năm	124	Rắn	16 01 06
3	Cặn dầu động cơ hộp số thải	Kg/năm	11	Rắn	17 02 03
4	Các loại dầu mỡ thải	Kg/năm	43	Rắn	16 01 08
5	Linh kiện điện tử thải	Kg/năm	10	Rắn	16 01 13
6	Pin/ắc quy chì thải	Kg/năm	5	Rắn	19 06 01
7	Mực in thải chứa thành phần nguy hại	Kg/năm	50	Lỏng	08 02 01
8	Bao bì cứng thải bằng kim loại	Kg/năm	200	Rắn	18 01 02
9	Bao bì mềm thải	Kg/năm	50		18 01 01
10	Chất thải y tế chứa tác nhân gây lây nhiễm	Kg/năm	12	Rắn	13 01 01
Tổng cộng		Kg/năm	1.240		

Nguồn: Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến, 2022

Toàn bộ lượng chất thải phát sinh này sẽ được thu gom tập trung tại khu vực lưu trữ CTNH của nhà máy và giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định.

- Công trình lưu giữ chất thải nguy hại, gồm:

Chất thải nguy hại của Dự án trong giai đoạn vận hành chủ yếu là bóng đèn huỳnh quang, pin, ắc quy, dầu nhớt thải, giẻ lau,... được thu gom và lưu trữ riêng tại khu vực lưu trữ chất thải nguy hại tại 08 thùng chứa riêng biệt có dung tích 240 lít, có dán nhãn cảnh báo chất thải nguy hại, đảm bảo đúng quy định.

Kho chứa CTNH hiện hữu của dự án có diện tích 4m² (bố trí phía Tây khu đất của dự án), cuối mỗi ngày sẽ thu gom về kho chứa CTNH để chứa, định kỳ 3 tháng (4 lần/năm) sẽ được thu gom, vận chuyển, xử lý bởi Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị Tp. HCM. (Căn cứ theo hợp đồng số 108/HĐ.MTĐT-NH/22.1.VX ngày 31/12/2021, còn hiệu lực đến ngày 31/12/2022).



Hình 3.13. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại

Đối với chất thải có nguy cơ lây nhiễm sẽ được Chủ dự án áp dụng các biện pháp thu gom, lưu trữ theo đúng hướng dẫn và quy định của Bộ Y tế cũng như hướng dẫn chi tiết của địa phương (Cụ thể căn cứ theo hợp đồng số 4712-2022/HĐ.MTĐT-YT/19.4.VX ngày 24/12/2021, hiệu lực đến hết ngày 31/12/2022 về việc thu gom, vận chuyển và xử lý rác y tế giữa Chủ dự án và Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp. HCM đính kèm Phụ lục báo cáo). Căn cứ theo tình hình thực tế, toàn bộ lượng chất thải có nguy cơ lây nhiễm phát sinh từ Dự án được thu gom, lưu trữ tại Phòng y tế (lưu trữ tại thùng chứa, đầy nắp, có lót bao nylon,...) và định kỳ chuyển giao cho Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp. HCM với tần suất 04 lần/tháng, khối lượng chuyển giao khoảng 03 kg/tháng và vận chuyển bằng xe chuyên dùng.

III.5. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP GIẢM THIỂU TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

- Các công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung của dự án đầu tư:

Quy định tốc độ lưu thông của các loại xe bên trong khu vực Dự án đối với xe tải chở hàng, xe ô tô chạy khoảng 5 km/h và đối với xe máy tắt máy dẫn bộ khi đi vào khuôn viên nhà máy.

Đối với máy móc phát sinh tiếng ồn như sau:

+ Lắp đặt máy móc đúng quy cách;

- + Thông thoáng nhà xưởng đảm bảo điều kiện môi trường cho công nhân;
 - + Các máy móc, thiết bị phát sinh ồn đều được đặt trên đệm cao su và lò xo giảm chấn để giảm tiếng ồn và độ rung,...;
 - + Các máy móc được đặt ở nơi có nền bằng phẳng; cách ly hợp lý các nguồn phát sinh tiếng ồn ra các vị trí riêng biệt thông qua bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh khả năng cộng hưởng mức ồn do nhiều máy móc hoạt động cùng lúc;
 - + Trong quá trình sản xuất thường xuyên kiểm tra độ cân bằng các máy móc, độ mài mòn các chi tiết, kiểm tra dầu mỡ và thay thế các thiết bị bị mài mòn;
 - + Quy định chế độ làm việc hợp lý cho từng máy móc thiết bị;
 - + Lắp đặt dây chuyền công nghệ sản xuất hiện đại, tự động để giảm số lượng nhân viên làm việc trực tiếp;
 - + Xung quanh các xưởng có bố trí trồng cây xanh để hạn chế tiếng ồn.
- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng đối với tiếng ồn, độ rung của dự án đầu tư.

Tiếng ồn và độ rung sau khi áp dụng các biện pháp giảm thiểu phải đạt quy chuẩn cho phép QCVN 26:2010/BTNMT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và quy chuẩn QCVN 27: 2010/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

III.6. PHƯƠNG ÁN PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ KHI DỰ ÁN ĐI VÀO VẬN HÀNH:

III.6.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải trong quá trình vận hành thử nghiệm và trong quá trình hoạt động

 Biện pháp phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

Để giảm thiểu tác do sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ đầu tư áp dụng các biện pháp sau:

- Lắp ráp thiết bị hoạt động theo chế độ luân phiên để có thiết bị dự phòng khi cần thiết và hạn chế tối đa việc hỏng hóc thiết bị hệ thống xử lý.
- Thường xuyên kiểm tra hiệu quả xử lý của các công trình đơn vị của hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo rằng hệ thống hoạt động hiệu quả.
- Giám sát hệ thống xử lý nước thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.
- Ngưng hoạt động nếu hệ thống xử lý nước thải không có khả năng xử lý nước thải đạt quy chuẩn cho phép.

Ứng phó sự cố ngưng hệ thống xử lý nước thải:

Ngoài ra, khi gặp sự cố về hệ thống xử lý nước thải ngưng hoạt động hoặc xử lý không đạt giới hạn đối nổi sẽ áp dụng biện pháp khắc phục như sau:

- Tạm ngưng tất cả hoạt động sản xuất, sinh hoạt phát sinh nước thải.
- Lập tức báo cáo với các bộ phận liên quan để kiểm tra, sửa chữa và vận hành khắc phục đề HTXLNT hoạt động ổn định trở lại.

III.6.2. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố tràn dầu và các công trình

phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

Phòng chống cháy, nổ

Hệ thống phòng cháy chữa cháy đã được Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến xây dựng và lắp đặt sẵn trong nhà xưởng. Khi có sự cố cháy, trong từng phòng hệ thống chữa cháy tự sẽ tự động hoạt động, nước sẽ được phun ra hình vòi sen chùm với áp lực lớn để dập tắt đám cháy. Khi nước trong hệ thống chữa cháy phun ra là giảm áp lực nước có trong đường ống cấp nước chữa cháy là cho hệ thống bơm nước tự động vận hành để bơm bù nước cho hệ thống.

Tại khu vực kho chứa, đối với nguyên vật liệu dễ cháy sẽ được bố trí lưu trữ phòng ổn định nhiệt độ, độ ẩm để hạn chế tối đa sự cố cháy nổ trong khu vực kho.

Công nhân sử dụng các máy hàn sẽ được tập huấn về kỹ thuật hàn cũng như an toàn lao động.

Trang bị đầy đủ dụng cụ báo phòng cháy: bình khí, vòi nước,... Phải có hệ thống báo cháy để phòng trường hợp có cháy xảy ra thì tất cả công nhân trong nhà máy nhận được thông báo để có biện pháp ứng phó kịp thời.

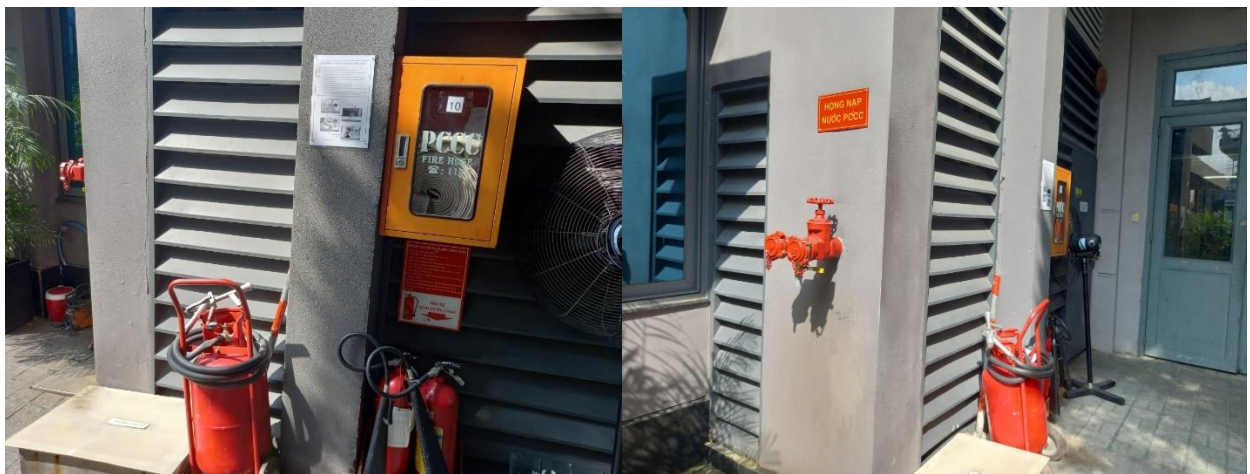
Các hệ thống và phương tiện chữa cháy này thường xuyên được kiểm tra, bảo trì trong suốt quá trình hoạt động để đảm bảo hệ thống luôn trong điều kiện thường trực.

Bố trí mạng lưới cứu hỏa thích hợp, và giáo dục ý thức an toàn phòng chống cháy nổ cho công nhân viên.

Các họng lấy nước cứu hỏa được bố trí đều khắp trong công trình, và các vị trí thuận tiện kết hợp với các dụng cụ chữa cháy: lăng vòi, bình bọt,...

Định kỳ kiểm tra tình trạng hoạt động của các trang thiết bị ứng phó cháy nổ. Đảm bảo các thiết bị luôn ở trạng thái hoạt động tốt để công tác ứng phó sự cố cháy nổ được thực hiện an toàn.

Bên cạnh việc trang bị hệ thống báo cháy và chữa cháy tự động hiện đại thì Dự án sẽ thường xuyên tập huấn và diễn tập công tác PCCC cho cán bộ, nhân viên thường xuyên làm việc tại nhà máy. Để đảm bảo khi xảy ra bất kỳ một sự cố cháy nào từ nhỏ đến lớn đều có thể bình tĩnh xử lý tại chỗ trước khi có sự trợ giúp của lực lượng chữa cháy chuyên nghiệp.



Hình 3.14. Hệ thống phòng cháy chữa cháy tại công ty

Biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông

Để phòng chống tai nạn cho công nhân làm việc, Công ty sẽ áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết như sau:

- Tuân thủ các quy phạm về chế độ vận hành, bảo trì, sửa chữa các máy móc, thiết bị sản xuất để đảm bảo hoạt động an toàn và tính hiệu quả của thiết bị;
- Sắp xếp bố trí các máy móc thiết bị đảm bảo trật tự, gọn và khoảng cách an toàn cho công nhân làm việc;
- Hệ thống dây điện, các chỗ tiếp xúc, cầu dao điện có thể gây tia lửa phải được bố trí và lắp đặt theo tiêu chuẩn an toàn;
- Bố trí nhân viên chuyên trách về vệ sinh và an toàn lao động. Kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp sai phạm nội quy an toàn trong nhà máy;
- Phổ biến công tác phòng chống cháy nổ và an toàn lao động cho tất cả cán bộ công nhân viên trong toàn bộ nhà máy để mọi người có thể hiểu rõ và nhận biết được tính chất quan trọng của công tác phòng chống sự cố, chấp hành tốt nội quy trong khu vực nhà xưởng...;
- Giáo dục ý thức vệ sinh môi trường và vệ sinh công nghiệp cho toàn bộ cán bộ công nhân viên.;
- Thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ tại doanh nghiệp;
- Trang bị, bồi dưỡng kiến thức về an toàn vệ sinh lao động cho toàn bộ công nhân làm việc trong nhà máy;
- Thực hiện việc hoàn thiện và cải tạo công nghệ nhằm hạn chế ô nhiễm, đơn độc và giáo dục cán bộ công nhân viên thực hiện đúng và đầy đủ các quy định về an toàn lao động và phòng chống sự cố cháy nổ;
- Đảm bảo thực hiện nghiêm chỉnh Nghị định 45/2013/NĐ-CP của Chính Phủ: Quy định chi tiết một số điều của bộ luật lao động về thời gian làm việc, thời giờ nghỉ ngơi và an toàn lao động, vệ sinh lao động;
- Thường xuyên kiểm tra, bảo trì các hệ thống điện, các thiết bị thông gió nội bộ nhằm an toàn cho nhà máy. Cam kết kiểm soát nhiệt độ môi trường sản xuất không vượt quá 32⁰C, và cường độ chiếu sáng trong xưởng sản xuất đảm bảo đạt quy định QCVN 26:2016/BYT;
- Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch an toàn – vệ sinh lao động;
- Chương trình kiểm tra và giám định về sức khoẻ định kỳ cho công nhân. Lắp đặt các tủ thuốc y tế trong khu vực văn phòng và tại các khu vực sản xuất.

Biện pháp an toàn giao thông

Để hạn chế các tai nạn giao thông có thể xảy ra, gây tổn hại đến con người, tài sản và môi trường, chủ dự án đã thực hiện và sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp sau:

- Phân công, bố trí đội bảo vệ hướng dẫn giao thông khi có xe ra vào khu vực dự án, không để công nhân tập trung đông trước cổng nhà máy nhằm tránh tình trạng kẹt xe và tai nạn giao thông;
- Bố trí thời gian nhập nguyên vật liệu phục vụ cho hoạt động của nhà máy và xuất hàng hóa một cách hợp lý, tránh tập trung vào giờ cao điểm. Hàng hóa được chất trên xe cẩn thận, có ràng buộc cẩn thận để tránh rơi vãi trên đường;

- Xe vận chuyển nguyên liệu, hàng hóa sắp xếp không ra vào đúng giờ thay ca, tan ca, tránh tình trạng tắc đường, kẹt đường trong khu vực;
- Trong giờ tan ca, thay ca sẽ nhắc nhở công nhân không tụ tập, chờ đợi nhau trước cổng Công ty. Điều này đã giảm áp lực rất lớn cho giao thông gây ra do phương tiện cá nhân;
- Tổng Công ty cổ phần may Việt Tiến sẽ bố trí giờ làm việc và giờ tan ca lệch nhau tránh gây ùn tắc;
- Người tham gia giao thông và chủ phương tiện vận chuyển hàng hóa cho dự án có trách nhiệm cam kết người lái xe có giấy phép lái xe, hiểu biết về luật an toàn giao thông theo quy định của pháp luật. Không tham gia giao thông trong tình trạng say xỉn;

Khi xảy ra tai nạn, chủ dự án cần báo ngay cho cấp địa phương tại nơi xảy ra tai nạn biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

 Các biện pháp giảm thiểu sự cố trong quá trình vận hành lò hơi

- **Cạn nước nghiêm trọng:** Tiến hành thông rửa ống thủy. Nếu thấy nước lấp ló chân ống thủy, sang thì nồi hơi chưa cạn nước tới mức nghiêm trọng.

+ Trường hợp tiến hành cấp nước bổ sung phân đoạn kết hợp với việc xả đáy phân đoạn, đồng thời giảm cường độ đốt bằng cách giảm lượng dầu cung cấp cho béc đốt hoặc tắt hẳn béc đốt. Khi mực nước trở lại vị trí trung gian của ống thủy sáng, cho nồi hơi trở lại hoạt động.

+ Khi tiến hành thông rửa ống thủy mà không thấy nước trong ống thủy, mở nhanh van thấp nhất của ống thủy tối cũng chỉ thấy hơi phụt ra thì nồi hơi bị cạn nước nghiêm trọng. Trong trường hợp này cấm tuyệt đối cấp nước bổ sung, công nhân vận hành cần nhanh chóng thao tác ngừng máy sự cố như sau: Đóng lá hướng khói, tắt quạt gió. Tắt béc đốt, ngừng cung cấp dầu cho béc đốt. Đóng van hơi chính. Đóng tất cả các cửa tránh không khí lạnh lọt vào buồng tối.

+ Sau khi ngừng lò có sự cố, cần để thời gian cho nồi hơi nguội từ từ. Khi áp suất giảm dưới mức làm việc bình thường, cần kiểm tra các bộ phận liên quan, đặc biệt các bề mặt tiếp nhiệt, sau đó tiến hành xử lý như trường hợp trên.

+ Khi xác định van xả đáy không kín, nước chảy mạnh qua đường xả đáy hoặc van một chiều không kín, đường cấp nước (từ bơm tới nồi hơi) nóng quá mức bình thường, phải tiến hành ngừng hoạt động. Xử lý giống trường hợp cạn nước nghiêm trọng.

- **Đầy nước quá mức:** Thông rửa ống thủy, giảm bớt cường độ đốt, xả đáy để mức nước trở lại bình thường. Xả nước trên đường cấp hơi, sau đó cho nồi hơi hoạt động trở lại.

- **Áp suất tăng quá mức cho phép:** Giảm cường độ đốt. Mở van xả khí hoặc mở cường chế van an toàn (kéo van an toàn bằng tay). Xả đáy gián đoạn kết hợp với cấp nước bổ sung.

- **Phòng, nổ ống của phần trao đổi nhiệt nguyên nhân:** Tiến hành thao tác ngừng lò sự cố bằng cách: Tắt béc đốt, Tắt quạt gió; Khi nồi hơi có chỗ phòng thì nhanh chóng hạ áp suất bằng cách mở van xả khí và cường chế mở van an toàn; Để nguội nồi, tiến hành kiểm tra và sửa chữa chỗ phòng.

- **Van an toàn hỏng:** Phải ngừng hoạt động của lò để thay thế hoặc sửa chữa xong việc phải báo cho thanh tra ATLĐ kiểm tra và kẹp chì lại.

Trường hợp van an toàn không đóng kín và lượng hơi thoát ra không nhiều, cho phép vận hành đến hết ca, sau đó ngừng để sửa chữa. Trường hợp sụt lờ nhiều phải ngừng ngay lại, chờ nguội và sửa chữa kịp thời.

- **Cường độ đốt giả:** Cấp thêm không khí cho buồng đốt.
- + Tăng lưu lượng hút khói.
- + Điều chỉnh tỷ lệ nhiên liệu đốt cho phù hợp.
- + **Nhiệt độ nước cấp cao:** Điều chỉnh lưu lượng không khí nóng qua bồn bằng cách mở nhỏ van khí này.

Trong quá trình vận hành cần tuân thủ những nguyên tắc cơ bản sau để phòng tránh phá hủy nồi hơi:

- Điều tra nguyên nhân của các sự cố trip nồi hơi trước khi khởi động trở lại.
 - Đảm bảo hệ thống cấp và xử lý nước lò hơi hoạt động ổn định và hiệu quả. Bên cạnh yêu cầu nước cấp không có thành phần cứng, thì chất lượng nước cấp còn phải đảm bảo yêu cầu về áp suất và nhiệt độ. Không sử dụng nước chưa được xử lý cho nồi hơi.
 - Xả đáy ở các dead legs để ngăn chặn tích tụ bùn, dẫn đến sự cố thiết bị. Chú ý, không được vô hiệu hóa chế độ bảo vệ mực nước thấp (chế độ nồi hơi dừng hoạt động nếu mực nước xuống quá thấp).
 - Đảm bảo hệ thống khử khí hoạt động ở áp suất thích hợp và tank chứa nước duy trì ở nhiệt độ bảo hòa để loại bỏ oxy trong nước cấp.
 - Liên tục theo dõi chất lượng nước ngưng.
 - Điều chỉnh xả đáy liên tục để duy trì độ dẫn điện của nước lò hơi trong giới hạn yêu cầu và định kỳ xả đáy bùn của trống (tham khảo ý kiến chuyên gia xử lý nước). Không bao giờ xả đáy tường lò trong khi nồi hơi đang hoạt động.
 - Định kỳ kiểm tra bề mặt nước của các ống nồi hơi. Nếu phát hiện có dấu hiệu tích tụ của cặn phải điều chỉnh lại chế độ xử lý nước và vệ sinh boiler bằng biện pháp cơ khí hoặc hóa học.
 - Định kỳ kiểm tra ăn mòn bên trong bộ khử khí.
 - Đảm bảo tất cả những nhân viên làm việc với nồi hơi được đào tạo và huấn luyện phù hợp. Khuyến khích nhân viên báo cáo kịp thời các phát hiện hỏng hóc để sửa chữa khi cần thiết
 - Nếu nhu cầu sản xuất đòi hỏi phải quá lửa nồi hơi, thì cần phải đánh giá tác động của việc quá lửa và trình bày với lãnh đạo trước khi áp dụng.
 - Thường xuyên kiểm tra van xả.
 - Ngoài các biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố nồi hơi, nhà máy còn định kỳ kiểm định chất lượng nồi hơi theo đúng quy định để đảm bảo nồi hơi luôn hoạt động trong tình trạng tốt nhất, tránh hư hỏng, xảy ra sự cố gây ảnh hưởng đến môi trường và con người.
-  Phòng chống sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất
- * *Quy định về kho chứa hóa chất*
 - Hệ thống kho chứa hóa chất, nguyên nhiên liệu đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn Việt Nam về kỹ thuật, an toàn.

- Khu vực chứa hóa chất đảm bảo các yêu cầu theo TCVN 5507:2002 về hóa chất nguy hiểm – quy phạm an toàn trong sản xuất kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

** Quy định về xuất nhập, sắp xếp hóa chất*

- Công tác quản lý an toàn hóa chất được tổ chức nghiêm ngặt, có sổ theo dõi xuất, nhập và tồn kho. Hóa chất giao nhận được lưu giữ vào kho đúng lúc, được xếp đúng quy cách, đảm bảo an toàn, ngăn nắp và các biểu trưng hóa chất quy ra ngoài để có thể dễ dàng nhìn thấy nhãn.

- Chiều cao đối với hóa chất dạng phuy không được xếp quá 2 lớp, không được nghiêng, lệch, phải đảm bảo độ an toàn cho người lao động và hàng hóa.

- Chiều cao của những hóa chất khác không được cao hơn 2m.

- Không được để hóa chất ca, phuy, chất lỏng trên kệ cao.

- Hóa chất phải được xếp cách tường ít nhất 0,5m .

- Lối đi chính trong kho đảm bảo rộng $\geq 1,5m$, đảm bảo không cản trở việc lưu thông cũng như đáp ứng công tác ứng phó.

- Đối với những hóa chất có quy định đặc thù liên quan đến việc bảo quản, sắp xếp cháy nổ và an toàn cho nhân viên liên quan đến kho thì phải đảm bảo tuân thủ theo những quy định đặc thù đó.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển hóa chất đảm bảo không làm rơi vãi, tràn đổ hóa chất.

- Những người làm việc thường xuyên trong kho hóa chất phải được đào tạo đầy đủ nghiệp vụ bảo quản hóa chất, các biện pháp xử lý sự cố do hóa chất gây ra.

** Kế hoạch ứng phó sự cố rò rỉ, tràn đổ hóa chất*

Yêu cầu chung:

- Thực hiện đúng các quy định trong Quy trình hành động phòng ngừa sự không phù hợp – Quy trình kiểm soát quá trình – Quy trình xuất nhập vật tư, nguyên liệu thành phẩm đã ban hành.

- Thực hiện huấn luyện định kỳ về an toàn lao động và xử lý môi trường.

- Sắp xếp kho hàng và xưởng gọn hàng theo 5S.

- Thường xuyên kiểm tra số lượng và tình trạng bao bì tồn trữ của các loại hóa chất để có thể phát hiện sớm các hiện tượng có thể làm rò rỉ, rơi vãi hóa chất.

- Chuẩn bị đầy đủ các phương tiện ứng phó rò rỉ.

Hành động ứng phó sự cố:

- Ngăn chặn ngay nguồn rơi vãi, rò rỉ (nếu có thể): bịt lỗ rò, lỗ rách, xiết lại nắp thùng phuy, đổi ngược chiều đứng thùng phuy,...

- Ngăn chặn việc phát tán rộng hóa chất ra môi trường xung quanh.

- Thu gom hóa chất rò rỉ, rơi vãi bằng máy hút chất lỏng và rắn, bao tải, can,... chuyển đến nơi quy định.

III.7. CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG KHÁC

❖ **Giảm thiểu ô nhiễm do hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra/vào nhà máy**

Khi dự án đi vào hoạt động, để giảm thiểu ô nhiễm do hoạt động của các phương tiện vận chuyển ra vào nhà máy, sẽ áp dụng các biện pháp như sau:

- Thường xuyên kiểm tra máy móc động cơ, bảo dưỡng theo định kỳ;
- Không sử dụng các phương tiện quá cũ, đã hết khấu hao;
- Có chương trình điều khiển hoạt động của các xe ra vào hợp lý theo từng thời điểm cụ thể, tránh hiện tượng ùn tắc cục bộ;
- Trồng các loại cây xanh có tán lớn nhằm tạo cảnh quan khu vực đồng thời cải thiện môi trường không khí xung quanh.



Hình 3.15. Bố trí cây xanh tại khuôn viên công ty

❖ **Giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình sản xuất**

- Trang bị khẩu trang, thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại nhà máy để hạn chế tác động của bụi đến sức khỏe của công nhân;
- Thiết kế, xây dựng nhà xưởng sản xuất thoáng mát. Nhà xưởng cao, thông gió làm mát bằng hệ thống cooling pad (còn gọi là hệ thống làm mát đoạn nhiệt).
- Bụi phát sinh từ khu vực xưởng may sẽ được các công nhân vệ sinh hằng ngày thu gom bằng các máy hút bụi cầm tay.
- Bụi hóa chất phát sinh từ quá trình sản xuất rơi vãi dưới nền nhà xưởng sẽ được công nhân vệ sinh quét dọn, vệ sinh sạch sẽ.
- Ngoài ra, để giảm thiểu tối đa lượng bụi phát sinh ảnh hưởng đến đời sống cộng đồng dân cư xung quanh, công ty sẽ lắp thêm các tấm lưới có kích thước nhỏ (1 mm) tại tất cả các cửa sổ của công ty. Đối với các cửa ra vào, công ty sẽ bố trí các màn nhựa để giảm thiểu lượng bụi thoát ra ngoài môi trường.



Hình 3.16. Bố trí màn nhựa và lưới lọc tại xưởng sản xuất

❖ **Giảm thiểu mùi mực in phát sinh trong quá trình sản xuất**

Công ty sử dụng mực in gốc nước nên tác động của mùi mực in đến công nhân làm việc tại nhà máy và môi trường xung quanh không đáng kể. Ngoài ra, Công ty có trang bị 02 quạt hút có công suất 750w tại khu vực nhà in nhằm thông khí và làm giảm nhiệt độ tại khu vực in.



Hình 3.17. Bố trí quạt hút tại khu vực in

❖ **Giảm thiểu mùi, hơi hóa chất phát sinh từ hoạt động sản xuất**

Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu mùi, hơi hóa chất và khí phát sinh từ khu vực in của dự án như sau:

- Khu vực in được thiết kế riêng biệt và xây kín.
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân khi tiếp xúc với hóa chất như mặt nạ, găng tay, kính mắt, quần áo bảo hộ,...
- Lắp đặt hệ thống thông gió tại phòng in.

❖ **Giảm thiểu khí thải phát sinh từ kho hóa chất**

Các biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu mùi, hơi hóa chất và khí phát sinh từ kho hóa chứa chất của dự án như sau:

- Thông gió cục bộ tại kho chứa hóa chất;
- Các phương tiện chứa hóa chất sẽ được đóng kín, chặt, để nơi thoáng mát, tránh nhiệt;
- Bảo quản cách ly những hóa chất theo quy định về an toàn hóa chất đối với những hóa chất có khả năng phản ứng với nhau;
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân khi tiếp xúc với hóa chất như mặt nạ, găng tay, kính mắt, quần áo bảo hộ,...
- Trồng cây xanh có tán lớn xung quanh kho chứa hóa chất để hạn chế khí thải phát sinh ra môi trường không khí.

❖ **Giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh từ trạm tập trung chất thải rắn, hố ga thoát nước thải**

- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và được nạo vét thu gom bùn theo định kỳ 6 tháng 1 lần;
- Bể tự hoại xây dựng ngầm dưới đất;
- Hố thu được xây ngầm dưới đất, bố trí nắp đậy;
- Khu vực lưu trữ CTR được thiết kế có mái che và thu gom định kỳ.

❖ **Giảm thiểu nhiệt dư**

Thực hiện các biện pháp tổng hợp để giảm thiểu nhiệt dư:

- Lắp đặt hệ thống quạt gió và thông gió tự nhiên giúp không khí nhà xưởng được trao đổi liên tục. Trang bị các quạt công nghiệp cục bộ và quạt thông gió tại xưởng sản nhằm nhằm tăng khả năng thông gió, làm giảm nhiệt độ và độ ẩm trong xưởng sản xuất. Tốc độ gió trong khu vực làm việc của công nhân đạt 1,5 m/s và độ ẩm 80%.
- Vệ sinh nhà xưởng định kỳ.
- Bảo hành bảo dưỡng, vệ sinh máy móc thiết bị thường xuyên.
- Không sử dụng các loại máy móc thiết bị cũ.

❖ **Giảm thiểu các tác động về kinh tế - xã hội**

- Có những nội quy nghiêm ngặt trong quản lý công nhân làm việc tại nhà máy;
- Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến sẽ bố trí giờ làm việc và giờ tan ca lệch nhau tránh gây ùn tắc;
- Giáo dục ý thức nhân viên trong nhà máy các tiêu chí vệ sinh môi trường cần thực hiện;
- Phối hợp với các cơ quan chức năng địa phương trong việc quản lý các công nhân nhập cư từ nơi khác đến, chú ý quyền lợi của công nhân, đặc biệt là công nhân nữ;
- Tất cả công nhân đều phải được kiểm tra sức khỏe định kỳ nhằm phát hiện bệnh và chữa trị kịp thời;
- Thực hiện đúng các biện pháp bảo vệ môi trường trong quá trình vận hành của nhà máy cũng như những giải pháp về an toàn xã hội giữa địa phương nói chung và của nhà máy nói riêng;

- Tổ chức các hoạt động văn hóa giải trí mang tính giáo dục môi trường và an toàn lao động cho công nhân như văn nghệ, và các hoạt động về công đoàn và đoàn viên thanh niên cho các công nhân của nhà máy,...

III.8. CÁC NỘI DUNG THAY ĐỔI SO VỚI QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

- Công ty Tổng Công ty Cổ phần may Việt Tiến đã được cấp Quyết định số 1095/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 04/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hồ Chí Minh Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xưởng may công nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may các loại, công suất 25.000.000 sản phẩm/năm”. Trong quá trình triển khai dự án đến nay có một số thay đổi so với báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt như sau:

STT	Các hạng mục, công trình được phê duyệt tại Quyết định số 1095/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 04/11/2022	Hiện trạng các hạng mục, công trình thay đổi thực tế	Nguyên nhân thay đổi
1	Trang bị 01 chụp hút cục bộ tại khu vực in để thông khí và giảm thiểu nhiệt khu vực in.	- Không bố 01 chụp hút. - Bố trí 02 quạt hút công suất 750w để thông khí khu vực in.	- Phù hợp với thực tế do khu vực in phát sinh nhiệt lớn.

Việc thay đổi các hạng mục của nhà máy nêu trên không làm thay đổi quy mô, công suất, công nghệ, không làm phát sinh khí thải, nước thải ra môi trường làm tăng tác động xấu đến môi trường so với nội dung báo cáo tác động môi trường đã được phê duyệt. Do đó, căn cứ theo điểm c khoản 4 Điều 37 chủ dự án tự đánh giá, xem xét, quyết định và chịu trách nhiệm trước pháp luật tích hợp trong báo cáo đề xuất cấp phép.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

IV.1. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI NƯỚC THẢI

- Nguồn phát sinh nước thải:
 - + Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt.
 - + Nguồn số 02: Nước thải từ nhà ăn.
 - + Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ xả đáy lò hơi.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: 180 m³/ngày; 7,5 m³/giờ.
- Dòng nước thải: gồm 01 dòng trong đó có 03 nguồn là nước thải sinh hoạt thải từ nhà vệ sinh được thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, nước thải từ nhà ăn thu gom xử lý sơ bộ bằng bể tách dầu và nước thải sản xuất sau đó sẽ được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung có công suất 180 m³/ngày xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT đạt cột B trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của thành phố.
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 4.1. Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm trong nước thải

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn (QCVN 40:2011/BTNMT cột B)
1	pH	-	5,5 - 9
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100
4	Sunfua	mg/l	0,5
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10
6	Tổng Nitơ	mg/l	40
7	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	6
8	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10
9	Coliforms	Vi khuẩn/100ml	5.000

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Vị trí xả nước thải: Hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Ba Gia. Tọa độ vị trí xả thải (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105⁰45', múi chiều 3⁰): X (m): 598669, Y (m): 1193100.
 - + Phương thức xả thải: Tự chảy.
 - + Nguồn tiếp nhận nước thải: hệ thống thoát nước chung của thành phố trên đường Ba Gia.
 - + Chế độ xả thải: Liên tục (24 giờ/ngày đêm).

IV.2. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI KHÍ THẢI

- Nguồn phát sinh khí thải:
 - + Nguồn số 01: Khí thải máy phát điện dự phòng số 1;

- + Nguồn số 02: Khí thải máy phát điện dự phòng số 2.
- Lưu lượng khí thải tối đa: 8.624 m³/h
- + Nguồn số 01: Lưu lượng khí thải máy phát điện dự phòng số 1: 6.460 m³/h;
- + Nguồn số 02: Lưu lượng khí thải máy phát điện dự phòng số 2: 2.164 m³/h.
- Dòng khí thải: 03 dòng khí thải tương ứng 02 nguồn phát sinh khí thải.
- + Dòng khí thải số 01: Ống khói của máy phát điện dự phòng (nguồn số 01);
- + Dòng khí thải số 02: Ống khói của máy phát điện dự phòng (nguồn số 01);
- + Dòng khí thải số 03: Ống khói của máy phát điện dự phòng (nguồn số 02).
- Chất thải ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng khí thải:

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, Kp=1,0 và Kv=0,6), cụ thể như sau:

Bảng 4.2. Giới hạn thông số và nồng độ chất ô nhiễm khí thải

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị cho phép
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	120
2	CO	mg/Nm ³	600
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	510
4	SO ₂	mg/Nm ³	300

- Vị trí, phương thức xả khí thải:

- + Vị trí xả khí thải:

Tọa độ vị trí xả thải dòng thải số 01 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰): X (m): 598661, Y (m): 1193128.

Tọa độ vị trí xả thải dòng thải số 02 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰): X (m): 598661, Y (m): 1193130.

Tọa độ vị trí xả thải dòng thải số 03 (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰): X (m): 598661, Y (m): 1193133.

- + Phương thức xả thải: Khí thải xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục 24/24 giờ khi máy phát điện hoạt động.

IV.3. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

- Nguồn phát sinh:

- + Nguồn số 01: Máy phát điện dự phòng số 1;
- + Nguồn số 02: Máy phát điện dự phòng số 2;
- + Nguồn số 03: Khu vực nhà xưởng may 1-2;
- + Nguồn số 04: Khu vực nhà xưởng may Sig.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- + Nguồn số 01: (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105°45', múi chiều 3⁰): X (m):

598661, Y (m): 1193128.

+ Nguồn số 02: (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X (m): 598661, Y (m): 1193133.

+ Nguồn số 03: (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X (m): 598694, Y (m): 1193146.

+ Nguồn số 04: (hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°): X (m): 598855, Y (m): 1193141.

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật môi trường QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc cho phép (dB)		Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	
1	70	60	Khu vực thông thường

Chương V

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

Trên cơ sở các công trình bảo vệ môi trường của cơ sở, chủ cơ sở đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất và chương trình quan trắc môi trường trong giai đoạn hoạt động, cụ thể như sau:

VI.1. KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI:

VI.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải tại Công ty:

Bảng 5.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

STT	Công trình xử lý chất thải	Thời gian vận hành thử nghiệm		Công suất dự kiến đạt được (tại thời điểm kết thúc vận hành thử nghiệm)
		Bắt đầu	Kết thúc	
1	Hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m ³ /ngày	30/03/2023	30/06/2023	100% công suất thiết kế

VI.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải của cơ sở tuân thủ quy định tại điều 21 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Kế hoạch quan trắc, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải cụ thể như sau:

Bảng 5.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải trong giai đoạn hiệu chỉnh

Công trình xử lý	Vị trí lấy mẫu	Thời điểm lấy mẫu	Tần suất lấy mẫu dự kiến, Chỉ tiêu lấy mẫu
Hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m ³ /ngày	- 01 vị trí đầu vào HTXLNT; - 01 vị trí đầu ra HTXLNT.	- 07 mẫu tổ hợp trong 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.	- Tần suất lấy mẫu: 15 ngày/lần; - Chỉ tiêu: Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, Sunfua, Amoni, Tổng N, Tổng P, Dầu mỡ khoáng, Tổng Coliforms.

Bảng 5.3. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của công trình xử lý chất thải trong giai đoạn vận hành ổn định

Công trình xử lý	Vị trí lấy mẫu	Thời điểm lấy mẫu	Tuần suất lấy mẫu dự kiến, Chỉ tiêu lấy mẫu
Hệ thống xử lý nước thải công suất 180 m ³ /ngày	01 vị trí đầu nối vào hệ thống thoát nước thải của thành phố	03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp	- Tuần xuất lấy mẫu: 01 ngày/lần; - Chỉ tiêu: Lưu lượng, pH, BOD ₅ , TSS, Sunfua, Amoni, Tổng N, Tổng P, Dầu mỡ khoáng, Tổng Coliforms.

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch:

Trung tâm Tư vấn Công nghệ Môi trường và An toàn Vệ sinh Lao động.

+ Địa chỉ: 286/8A Tô Hiến Thành, Phường 15, Quận 10, TP.HCM;

+ Điện thoại: 0283 8680 842;

+ Email: trungtamcoshet@gmail.com;

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường: VIMCERTS 026;

+ Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm: VILAS 444.

VI.2. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC CHẤT THẢI (TỰ ĐỘNG, LIÊN TỤC VÀ ĐỊNH KỲ) THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT.

VI.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ:

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ theo Điều 97 và Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

VI.2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải:

Dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc (tự động, liên tục) theo Điều 97 và Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

VI.2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở.

- Không có

VI.3. KINH PHÍ THỰC HIỆN QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG HÀNG NĂM.

- Kinh phí giám sát môi trường, báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm dự kiến khoảng: 30.000.000 đồng.

Chương VI

CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN

Công ty cam kết các nội dung sau:

- Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.
- Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan. Cụ thể như sau:
 - + Cam kết thực hiện các biện pháp đảm bảo an toàn lao động phù hợp với đặc điểm của loại hình hoạt động của dự án; phòng chống các sự cố môi trường, cháy nổ, an toàn lao động trong khu vực công ty.
 - + Đảm bảo các nguồn thải đạt các tiêu chuẩn bắt buộc về môi trường sau đây:
 - Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT cột B trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của thành phố.
 - Khí thải đạt QCVN 19:2009/BTNMT cột B ($K_p=1,0$ và $K_v=0,6$).
 - Chất thải rắn thu gom, vận chuyển đến nơi xử lý theo đúng yêu cầu an toàn vệ sinh. Cam kết việc quản lý chất thải rắn tuân thủ nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 01/2022/BTNMT.
 - Chất lượng không khí môi trường làm việc đạt QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT, QCVN 02:2019/BYT.
 - Chất lượng không khí môi trường xung quanh đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT.
 - Tiếng ồn, độ rung khu vực xung quanh đảm bảo tiêu chuẩn cho phép theo quy định của QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 27:2010/BTNMT.
 - + Các hoạt động của cơ sở chịu sự giám sát của các cơ quan chức năng về quản lý môi trường.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

PHỤ LỤC 1: Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc các giấy tờ tương đương

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300401524 do Phòng đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp HCM cấp lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 11 ngày 15/05/2021, cấp cho Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến;

- Giấy ủy quyền số 03/UQ-VTEC do Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến cấp ngày 31/12/2021.

PHỤ LỤC 2: Giấy tờ về đất đai hoặc bản sao hợp đồng thuê đất để thực hiện dự án đầu tư theo quy định của pháp luật

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T00041 do Ủy ban nhân dân Tp.HCM cấp ngày 24/06/2005

PHỤ LỤC 3: Bản vẽ hoàn công công trình bảo vệ môi trường, công trình phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật

- Bản vẽ hoàn công HTXLNT công suất 180m³/ngày;
 - Bản vẽ mặt bằng tổng thể Tổng công ty cổ phần May Việt Tiến;
 - Bản vẽ mặt bằng thoát nước mưa;
 - Bản vẽ mặt bằng thoát nước thải.
-

PHỤ LỤC 4: Biên bản nghiệm thu, bàn giao các công trình bảo vệ môi trường hoặc các văn bản khác có liên quan đến các công trình bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

- Biên bản số 04/BGĐVSD/XLNT về Nghiệm thu hoàn thành công trình và đưa vào sử dụng;

- Hợp đồng cung cấp dịch vụ thu gom rác thải sinh hoạch số 132/HĐ-DVCI.2021 ngày 06/12/2021 giữa Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến và Công ty TNHH MTV Dịch vụ công ích quận Tân Bình;

- Hợp đồng nguyên tắc về chuyển giao và bán lại sản phẩm sau xử lý 01/2022/HĐNT VTEC-DTP ngày 03/1/2022 giữa Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến và Công ty TNHH Môi trường Dương Tuấn Phát;

- Hợp đồng thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại số 108/HĐ.MTĐTNH/21.1.VX ngày 31/12/2021 giữa Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến và Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp HCM;

- Hợp đồng kinh tế về thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải y tế số 4712-2022/HĐ.MTĐT-YT.19.4.VX ngày 24/12/2021 giữa Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến và Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Tp HCM

PHỤ LỤC 5: Bản sao quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Quyết định số 1095/QĐ-STNMT-CCBVMT ngày 04/11/2022 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Xưởng may công nghiệp sản xuất sản phẩm dệt may các loại, công suất 25.000.000 sản phẩm/năm” tại Phường 7, quận Tân Bình của Tổng Công ty Cổ phần May Việt Tiến.
